

Chuyên đề 11:

PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM QUA

1. Tiềm năng và cơ hội phát triển du lịch nông thôn

a) Tài nguyên du lịch tự nhiên

Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm: cảnh quan thiên nhiên, các yếu tố địa chất, địa mạo, khí hậu, thủy văn, hệ sinh thái và các yếu tố tự nhiên khác có thể được sử dụng cho mục đích du lịch⁽¹⁾.

Tài nguyên này có những đặc sắc riêng ở các vùng, miền, tạo nên giá trị sinh thái, cảnh quan quý giá cho phát triển du lịch. Địa hình đa dạng từ đồi núi đến đồng bằng, thêm lục địa tạo nên sự đa dạng của phong cảnh. Một số địa hình có giá trị du lịch đặc biệt, với gần 1.000 hang động; bờ biển, đảo với 125 bãi biển dọc chiều dài 3.260 km bờ biển; các di sản thiên nhiên, địa chất như 02 di sản thiên nhiên thế giới⁽²⁾, 03 địa danh trong Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu⁽³⁾...

Khí hậu đa dạng cận nhiệt đới ẩm, nhiệt đới xavan, gió mùa mậu dịch, tiểu khí hậu ôn đới... thuận tiện cho phát triển du lịch quanh năm.

Việt Nam có hệ thống thủy văn đa dạng. Mạng lưới sông ngòi dày đặc với 2.360 con sông dài trên 10 km, trong đó có các hệ thống sông lớn (Cửu Long và sông Hồng). Lại có hệ thống các hồ nước tự nhiên (như Ba Bể) và nhân tạo (như hồ Hòa Bình, Thác Bà, Dầu Tiếng ..), cùng các suối nước nóng và nước khoáng thiên nhiên (như Kim Bôi, Mỹ Lâm, Quang Hanh ..) rất thu hút khách du lịch.

Là quốc gia nằm trong khu vực nhiệt đới, Việt Nam có hệ thực vật phong phú, với khoảng 14.600 loài thực vật; có quần thể động vật đa dạng với 275 loài thú có vú, 800 loài chim, 180 loài bò sát, 80 loài lưỡng thê, 2.400 loài cá, 5.000 loài sâu bọ... Trong đó, có nhiều loài thú quý hiếm được ghi vào Sách Đỏ của thế giới. Ngoài ra, có mạng lưới vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học quý hiếm với 34 vườn quốc gia, 9 khu dự trữ sinh quyển thế giới. Đó không chỉ là nơi nghiên cứu khoa học của Việt Nam và thế giới, mà còn là những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn.

b) Tài nguyên du lịch xã hội, nhân văn

Tài nguyên du lịch văn hóa bao gồm: di tích lịch sử - văn hóa, di tích cách mạng, khảo cổ, kiến trúc; giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội, văn nghệ dân gian và các giá trị văn hóa khác; công trình lao động sáng tạo của con người có thể được sử dụng cho mục đích du lịch (Luật Du lịch 2017).

Với bề dày lịch sử hơn 4.000 năm, Việt Nam có nhiều di tích lịch sử, văn hóa có giá trị với nếp sống, sinh hoạt của người Việt (hệ thống các đình, chùa cổ; các lễ

¹⁰ Quốc hội: *Luật Du lịch*, Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật, Hà Nội, 2017.

²⁰ Vịnh Hạ Long, Phong Nha – Kẻ Bàng

³⁰ Cao nguyên đá Đồng Văn, Công viên non nước Cao Bằng và Công viên địa chất Đắk Nông

hội...), gắn với các danh nhân, anh hùng dân tộc (hệ thống các khu di tích lịch sử cách mạng, nhà lưu niệm...). Tính đến năm 2020, Việt Nam có hơn 41.000 di tích, thắng cảnh, trong đó có hơn 4.000 di tích được xếp hạng di tích cấp quốc gia (trong đó có 112 di tích quốc gia đặc biệt) và hơn 9.000 di tích được xếp hạng cấp tỉnh.

Ngoài 02 di sản thiên nhiên thế giới, UNESCO đã công nhận 05 điểm di sản văn hóa thế giới⁽⁴⁾, 01 điểm di sản hỗn hợp⁽⁵⁾, 13 di sản phi vật thể thế giới⁽⁶⁾, 03 di sản tư liệu thế giới⁽⁷⁾. Ngoài ra, hàng chục triệu di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có giá trị đang được bảo quản, trưng bày tại hệ thống 125 bảo tàng trên mọi miền đất nước. Đồng thời, còn có các lễ hội, phong tục tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công truyền thống, văn hóa ẩm thực, trang phục truyền thống... của 54 dân tộc anh em. Đến hết năm 2020, cả nước có 165 nghề truyền thống, 1.951 làng nghề, trong đó có 1.062 làng nghề và 889 làng nghề truyền thống, 627 nghề nhân nhân dân, nghề nhân ưu tú và 652 thợ giỏi làng nghề đã được công nhận⁽⁸⁾. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để phát triển du lịch cộng đồng.

c) Tài nguyên du lịch nông nghiệp

Nước ta lại có nền văn minh nông nghiệp lâu đời, với tổ chức cộng đồng cơ bản là xóm làng, các hoạt động sản xuất nông, lâm, thủy sản và làng nghề đặc biệt phong phú. Nhờ đó mà có một hệ thống các sản vật đa dạng và phong phú, mang đặc trưng nhiều quê hương, vùng, miền. Người Việt Nam thường lấy tên quê hương gắn với những sản phẩm, đặc sản địa phương, vừa như một nét đặc thù chỉ nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, vừa để thể hiện lòng tự hào làng quê. Đi đến bất cứ đâu của Tổ quốc, ta đều bắt gặp những sản phẩm như vậy. Nhiều sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ dưới hình thức nhãn hiệu cộng đồng và được công nhận sản phẩm OCOP.

Nhiều sản phẩm thực phẩm, đồ uống, hàng thủ công mỹ nghệ, hoa quả, bánh kẹo của các vùng, miền được sử dụng trong hệ thống nhà hàng, khách sạn ngành du lịch. Việc khai thác nghệ thuật ẩm thực mang tính chất vùng, miền để phục vụ du khách là một yếu tố quan trọng thúc đẩy du lịch, đồng thời, chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch là kênh quảng bá rộng rãi cho tiêu thụ nông đặc sản.

2. Những điểm sáng của du lịch nông thôn Việt Nam hiện nay

a) Thị trường khách du lịch nông thôn

Khách du lịch nội địa

Cùng với tăng trưởng kinh tế, nhu cầu và khả năng đi du lịch trong nước và nước ngoài của người Việt Nam không ngừng tăng lên. Bên cạnh đó, sức ép từ cuộc sống đô thị, ô nhiễm môi trường ngày càng cao, nhu cầu của người dân được trở về

⁴⁰ Khu di tích Hoàng thành Thăng Long – Hà Nội, Thành nhà Hồ, Quần thể di tích cổ đô Huế, Đô thị cổ Hội An và Khu di tích Chăm Mỹ Sơn.

⁵⁰ Quần thể danh thắng Tràng An.

⁶⁰ Nhã nhạc cung đình Huế, Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, Dân ca quan họ (Bắc Giang, Bắc Ninh), Ca trù (16 tỉnh phía Bắc), Hát xoan (Phú Thọ), Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc (Hà Nội), Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, Đờn ca tài tử Nam Bộ (21 tỉnh), Dân ca ví giặm Nghệ Tĩnh (Nghệ An, Hà Tĩnh), Nghi lễ Kéo co, Tín ngưỡng thờ mẫu (21 tỉnh), Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ (7 tỉnh miền Trung), Hát Then.

⁷⁰ Mộc bản triều Nguyễn, Bia tiến sĩ Văn Miếu (Hà Nội) và Châu bản triều Nguyễn

⁸⁰ Bộ Nông nghiệp và PTNT (2020): *Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Nghị định số 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Phát triển ngành nghề nông thôn*

vùng nông thôn có cảnh quan thiên nhiên đẹp, môi trường trong lành để nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, tái tạo sức lao động, để trải nghiệm, học tập, nâng cao sức khỏe tinh thần ngày càng lớn. Có thể khẳng định, khách nội địa là thị trường nguồn quan trọng của điểm đến du lịch nông thôn. Năm 2018, lượng khách du lịch nội địa đạt khoảng 80 triệu lượt, tăng 9% so với năm 2017, trong đó có khoảng 38,6 triệu lượt khách có sử dụng dịch vụ lưu trú, tổng thu từ du lịch nội địa đạt 254 nghìn tỷ đồng (chiếm 39,9% tổng thu của ngành du lịch). Tính chung trong giai đoạn 2015-2019, khách nội địa tăng gần 1,5 lần, từ 5,7 triệu lượt năm 2015 lên 85 triệu lượt năm 2019, tăng bình quân 10,5%/năm⁹⁰.

Trong những năm qua, khách du lịch nội địa đến các khu vực nông thôn có những đặc điểm sau:

- Du lịch nông thôn cuối tuần, kỳ nghỉ lễ, nghỉ hè. Nhu cầu của thị trường này rất lớn. Khách thường đi theo gia đình, nhóm bạn bè, hướng tới hoạt động nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, ẩm thực, trải nghiệm hoạt động vui chơi giải trí... Điểm đến là nông thôn các vùng phụ cận, cách trung tâm đô thị trong bán kính dưới 100 km. Xu hướng tự tổ chức du lịch bằng các phương tiện xe gia đình cũng ngày càng phát triển.

- Du lịch học đường với các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu, khám phá, học tập tại vùng nông thôn, học làm nông dân, tìm hiểu sinh học, khám phá tự nhiên, rèn luyện kỹ năng sống... Đây là các hoạt động du lịch nông thôn được đưa vào ngoại khóa nhiều trường học tại các đô thị lớn. Hiện nay, tại các đô thị lớn, đặc biệt là thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, thị trường khách du lịch học đường có tiềm năng phát triển. Có nhiều công ty lữ hành chuyên khai thác thị trường này. Tuy nhiên, khách du lịch học đường là học sinh cấp I, II chủ yếu đi tham quan, trải nghiệm trong ngày. Khách lưu trú qua đêm (thường 01 đêm) chủ yếu là học sinh cấp III, sinh viên đại học. Dịch vụ cho đối tượng khách này chủ yếu liên quan đến lưu trú trong ngày: nhà sàn, khu cắm trại tập trung, ăn uống, vui chơi, các hoạt động tập thể...

- Nông dân đi tham quan, học hỏi các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả đang có xu hướng tăng lên.

- Nguồn khách du lịch nông thôn chủ yếu xuất phát từ các đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu...

- Đặc trưng về tiêu dùng du lịch: Bên cạnh hoạt động nghỉ dưỡng, tái tạo năng lượng, nhu cầu tiêu thụ đối với thực phẩm sạch, an toàn của du khách sẽ là nguồn thu đáng kể đối với hoạt động du lịch nông thôn. Theo thống kê của Sở Du lịch thành phố Hồ Chí Minh, nhu cầu khách du lịch mong muốn được tham quan trải nghiệm ở khu nông trại miệt vườn tăng đều mỗi năm từ 20 - 30%. Độ dài ngày của một chuyến du lịch từ 1 - 3 ngày. Mức chi tiêu từ 100 ngàn đến 5 triệu đồng. Phần lớn du khách kỳ vọng ở các hoạt động vui chơi giải trí ngoài trời, gần gũi thiên nhiên, trải nghiệm ẩm thực địa phương, lưu trú qua đêm ở các nhà nghỉ nông thôn, homestay. Tuy nhiên, phần lớn khách du lịch đều lo ngại về điều kiện vệ sinh, an toàn ở vùng nông thôn.

Khách du lịch quốc tế

⁹⁰ Nguồn Tổng cục Thống kê, 2020.

Bản sắc văn hóa, đặc trưng sinh thái nông nghiệp, nông thôn các vùng miền của Việt Nam là điểm hấp dẫn lớn đối với du khách nước ngoài, đặc biệt là các thị trường có sự khác biệt lớn về văn hóa như Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc. Trong đó, các dịch vụ du lịch trải nghiệm văn hóa, lối sống cộng đồng bản địa tại nông thôn các vùng đồng bằng sông Hồng, sông Cửu Long, vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc có sức hấp dẫn đối với khách trung niên, cao tuổi. Các loại hình du lịch khám phá văn hóa, mạo hiểm tại Việt Nam như trekking, thám hiểm hang động... phù hợp với đối tượng thanh niên. Chương trình du lịch học đường, trao đổi học sinh, sinh viên từ các nước phát triển tới khám phá học tập tại vùng nông thôn Việt Nam cũng rất phát triển. Ngoài ra, còn một số dịch vụ du lịch được khai thác nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu tại khu bảo tồn thiên nhiên, rừng quốc gia, kỹ thuật canh tác nông nghiệp...

Do có tính hấp dẫn của các tài nguyên nói trên và chính sách khuyến khích phát triển du lịch, thị trường khách du lịch nông thôn quốc tế ngày càng tăng. Năm 2019, Việt Nam đón lượng khách quốc tế kỷ lục 18 triệu lượt, tăng 16,2% so với năm 2018. Trong đó, khách quốc tế đến từ 10 thị trường hàng đầu đạt 15,2 triệu lượt, chiếm 84,3% tổng lượt khách quốc tế đến Việt Nam năm 2019.

Về cơ cấu khách theo khu vực, các thị trường châu Á chiếm phần lớn (77,9%). Trong đó Đông Bắc Á chiếm 66,8%, Đông Nam Á chiếm 11,3%, các nước châu Á còn lại chiếm 1,8%. Điều này cho thấy tầm quan trọng của các thị trường khu vực châu Á. Các thị trường châu Âu chiếm 12%, châu Mỹ chiếm 5,4%, châu Úc chiếm 2,4%.

Thực trạng tại một số địa phương cho thấy, việc khai thác các yếu tố nổi trội để hấp dẫn khách đến với du lịch nông thôn ở một số nơi còn hạn chế, khiến lượng khách quốc tế nơi nhiều nơi ít, chưa tương xứng với tiềm năng. Trong khi đó, với các tỉnh vùng cao, khách du lịch quốc tế đến các điểm du lịch nông thôn chiếm khá nhiều, khoảng từ 15-20% tổng lượng khách đến các khu vực.

b) Cơ sở lưu trú du lịch

Theo thống kê của Tổng cục Du lịch năm 2018, cả nước có 1.892 cơ sở lưu trú homestay ở vùng nông thôn đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ khách, với sức chứa 5.762 khách. Mô hình kinh doanh này phát triển ở nhiều khu vực trên cả nước, trong đó phát triển nhất tại Trung du miền núi Bắc bộ, có 614 cơ sở lưu trú với sức chứa 4.068 khách chiếm 30% homestay của cả nước. Theo đánh giá của AirDNA năm 2019, thị trường kinh doanh homestay tại Việt Nam tăng trưởng "nóng" với tốc độ 452% về số lượng nguồn cung chỗ ở trong một năm qua, lớn hơn so với mức tăng trưởng trung bình toàn cầu 140% và cao hơn rất nhiều so với ngành khách sạn truyền thống (chỉ tăng trưởng 40% về nguồn cung). Đến năm 2019, tổng cơ sở lưu trú du lịch cả nước ước tính khoảng 30.000 cơ sở, với 650.000 buồng, tăng 2.000 cơ sở lưu trú du lịch (+7,1%) và 100.000 buồng (+18%) so với năm 2018.

c) Nhân lực và lao động trong ngành nông nghiệp

Số lao động tham gia ngành du lịch và du lịch nông thôn chưa nhiều, ước tính mỗi tỉnh có khoảng 500-1.000 lao động. Năm 2019, cả nước có khoảng 850.000 lao động trực tiếp và 2,5 triệu lao động gián tiếp trong ngành du lịch. Trong đó, lao động

du lịch nông thôn chỉ chiếm khoảng 5-15%, chủ yếu là lao động gián tiếp (chiếm khoảng 2/3 tổng số lao động trong lĩnh vực này). Hiện nay, lao động trong du lịch nông thôn chủ yếu là lao động homestay, tham gia các chuỗi cung ứng phục vụ du lịch, như sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, biểu diễn văn nghệ... Có 11/37 tỉnh báo cáo thống kê lao động tham gia các hoạt động du lịch cộng đồng, với tổng số gần 8.500 lao động, trong đó phần lớn tập trung vào các trung tâm du lịch lớn, như Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế.

3. Chính sách phát triển du lịch nông thôn

Du lịch nước ta là ngành kinh tế có nhiều tiềm năng, lợi thế, có mức tăng trưởng và hiệu quả cao, có thể huy động nguồn lực xã hội hóa cao. Vì thế, so với các khu vực kinh tế khó khăn như nông nghiệp, nông thôn đang cần nhiều nguồn vốn đầu tư của Nhà nước, thì chính sách hỗ trợ phát triển du lịch nói chung, du lịch nông thôn nói riêng chưa được chú trọng. Các nguồn vốn nhà nước hỗ trợ phát triển du lịch nông thôn chủ yếu được lồng ghép trong các chương trình mục tiêu có liên quan trực tiếp đến du lịch nông thôn, gắn với chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ các vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số... Các nguồn vốn lồng ghép đó thường rất hạn chế, do khả năng nguồn lực Nhà nước có hạn. Chúng có vai trò dẫn đường, tạo điều kiện ban đầu, tạo niềm tin, định hướng phát triển để thu hút, huy động được nguồn lực dồi dào trong xã hội cho du lịch nông thôn.

Nhìn tổng thể, Nhà nước cần làm nhiều hơn cho phát triển du lịch nông thôn, không chỉ là nguồn vốn đầu tư, mà quan trọng là vai trò kiến tạo, quy hoạch, xây dựng các nền tảng sâu rộng cho phát triển du lịch, thiết lập hệ thống quản lý du lịch xứng tầm, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và các mục tiêu phát triển bền vững đất nước.

Riêng về nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển du lịch nông thôn, Nhà nước và các địa phương đã có nhiều cố gắng, nhờ đó mà du lịch nông thôn mấy năm qua đã phát triển nhanh, đóng góp vào tăng trưởng cao của ngành du lịch Việt Nam.

a) Chính sách có tính lồng ghép của Trung ương

- *Chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2010-2020* đã gián tiếp thúc đẩy du lịch nông thôn thông qua chính sách phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề nông thôn. Đặc biệt, ở những năm cuối của giai đoạn này, trong Chương trình xây dựng NTM đã xây dựng, tổ chức triển khai các đề án trọng điểm về phát triển du lịch nông thôn, “Mỗi làng một nghề”. Đó là những đề án quốc gia nhằm tập trung nguồn lực của Chương trình xây dựng NTM cho thực hiện các mục tiêu phát triển du lịch cộng đồng và các sản phẩm trọng điểm của địa phương (OCOP). Tuy nhiên, các đề án này mới được triển khai trong 02 năm qua nguồn lực của Chương trình xây dựng NTM cũng có hạn, các hoạt động du lịch nông thôn chưa được hỗ trợ đủ mạnh, chưa hình thành nhiều các dự án phát triển đồng bộ để tạo thành sản phẩm du lịch có sự hút và khả năng cạnh tranh cao.

- Trong Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) giai đoạn 2018-2020⁽¹⁰⁾ dịch vụ du lịch nông thôn và bán hàng là một nhóm sản phẩm. Mục tiêu đặt ra đến hết năm 2020 hình thành 10 mô hình thí điểm *làng văn hóa du lịch*⁽¹¹⁾. Trong khuôn khổ Chương trình, các làng văn hóa du lịch được hỗ trợ các nội dung chính, gồm điều chỉnh, bổ sung quy hoạch về kiến trúc, cảnh quan trong Đồ án quy hoạch xây dựng NTM; cải tạo cảnh quan, nâng cao năng lực cho cộng đồng thông qua chương trình bồi dưỡng, tập huấn, học tập; xúc tiến quảng bá du lịch; hoàn thiện nâng cấp cơ sở hạ tầng du lịch, xây dựng nhóm sản phẩm du lịch... Hiện nay, các mô hình làng văn hóa du lịch mới đang trong giai đoạn thí điểm, việc triển khai thực hiện chưa nhiều và chưa đánh giá được kết quả thực hiện. Bộ tiêu chí du lịch cộng đồng theo tiêu chuẩn của Chương trình OCOP đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành, vừa là căn cứ để đánh giá các điểm du lịch cộng đồng, vừa giúp các địa phương xác định các hạn chế, yếu kém, từ đó đề xuất cơ chế, chính sách và kế hoạch hỗ trợ các điểm du lịch cộng đồng.

- Trong Chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch và Chương trình MTQG về phát triển văn hóa, Chính phủ đã hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch giai đoạn 2010-2020 khoảng 10.200 tỷ đồng. Ngân sách các tỉnh, thành phố cũng bổ sung vào nguồn đối ứng đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch khoảng 300-350 tỷ đồng/năm. Bên cạnh Chương trình hỗ trợ cơ sở hạ tầng du lịch, Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020 được đầu tư tổng kinh phí 503 tỷ đồng, trong đó tập trung cho mục tiêu bảo tồn tôn tạo di tích và bảo tồn làng bản buôn truyền thống. Trong 5 năm 2016-2020 đã có 240 di tích, 07 làng bản buôn truyền thống được hỗ trợ kinh phí bảo tồn.

Nguồn vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng du lịch tập trung chủ yếu cho các địa phương thuộc địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng, các địa phương có khu, điểm quốc gia được xác định tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam. Trong đó, ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh thuộc địa bàn kinh tế khó khăn, không tự cân đối được ngân sách. Các dự án được hỗ trợ phải thuộc danh mục các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam, được phê duyệt tại Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2013 và đã có Quy hoạch xây dựng, hoặc Quy hoạch tổng thể phát triển các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc thực hiện nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch nhìn chung có hiệu quả, góp phần không nhỏ cho tăng trưởng khách du lịch. Nguồn ngân sách này có vai trò như “vốn mồi”, tạo động lực cho phát triển du lịch, thu hút các nguồn lực khác tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch và cơ sở kinh doanh du lịch, đặc biệt là ở những địa bàn khó khăn. Cơ sở hạ tầng du lịch được đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho du khách đến với các địa bàn khó khăn và làm thay đổi cơ cấu kinh tế ở vùng sâu, vùng xa.

¹⁰⁰ Theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ Chính phủ.

¹¹⁰ Gồm Làng VH du lịch thôn Nậm Đăm (Quản Bạ, Hà Giang); Làng VH du lịch Na Lo (Bắc Hà, Lào Cai); Làng VH du lịch “miền quê đáng sống” của đồng bào DTTS vùng đặc biệt khó khăn (Bản Ba Phách, Mộc Châu, Sơn La); Làng VH du lịch xã Nà Phòn (Mai Châu, Hòa Bình); Làng VH du lịch Lục Ngù (Bình Liêu, Quảng Ninh); Làng VH bản Kho Mường gắn với chuỗi du lịch sinh thái Pù Luông (Bá Thước, Thanh Hóa); Làng VH du lịch cổ Lộc Yên (Tiên Phước, Quảng Nam); Làng VH du lịch Bờ Hồông (Đông Giang, Quảng Nam); Làng VH du lịch Vĩnh Nam (Chợ Lách, Bến Tre) và Làng VH du lịch Sa Đéc (Đồng Tháp).

Tuy nhiên, nguồn vốn hỗ trợ cơ sở hạ tầng còn hạn hẹp, phân bổ còn dàn trải, kéo dài thời gian thực hiện dự án. Hàng năm, trung bình mỗi tỉnh được hỗ trợ khoảng 14 tỷ đồng; có tỉnh bố trí thấp chỉ 6-7 tỷ đồng/năm. Một số nội dung đầu tư hạ tầng du lịch còn chưa rõ và chồng chéo với các nguồn vốn đầu tư khác, như dự án giao thông, chống xói mòn sông, biển, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch... Bên cạnh đó, theo quy định nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch chỉ hỗ trợ cho các khu du lịch, điểm du lịch quốc gia theo quy hoạch, không hỗ trợ cho các khu, điểm du lịch thuộc quy hoạch của địa phương, cũng không dành cho các điểm du lịch nông thôn nói chung. Các hạng mục như đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch cho khu vực nông thôn không thuộc đối tượng của Chương trình này.

Hơn nữa, việc lồng ghép các Chương trình MTQG xây dựng NTM, Chương trình về văn hóa và Chương trình hỗ trợ cơ sở hạ tầng du lịch chưa thực sự hiệu quả, thiếu tính tập trung, còn chồng chéo. Đối với khu vực nông thôn, đầu tư từ ngân sách nhà nước hiện tập trung chủ yếu cho hạ tầng đến các khu du lịch quốc gia. Phần lớn các điểm du lịch nông thôn là trang trại, hộ gia đình, thôn bản du lịch cộng đồng... chưa được hưởng tác động hiệu quả của các nguồn đầu tư từ ngân sách.

- *Chính sách ưu đãi đầu tư, tín dụng cho du lịch nông thôn* được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, như Luật Du lịch 2017; Luật Đầu tư 2014; Nghị định 55/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn...

Điều 5 Luật Du lịch 2017 quy định, Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ một số hoạt động liên quan đến du lịch nông thôn, như đầu tư phát triển sản phẩm du lịch mới có tác động tích cực tới môi trường; đầu tư phát triển sản phẩm du lịch biển, đảo, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa và sản phẩm du lịch đặc thù khác; phát triển du lịch tại nơi có tiềm năng du lịch; sử dụng nhân lực du lịch tại địa phương... Điều 18 quy định của Luật này quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo đối với từng vùng và trong phạm vi toàn quốc theo từng giai đoạn. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn chưa có các chính sách cụ thể cho phát triển du lịch nông thôn.

Theo Điều 16, 17, 18 Luật Đầu tư 2014, Chính phủ quy định các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp khi đầu tư vào một số lĩnh vực. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các ưu đãi đầu tư là cho ngành nông nghiệp, chưa có ưu đãi cụ thể cho đầu tư vào kinh doanh du lịch nông thôn.

Một số chính sách hiện hành ưu đãi đầu tư, tín dụng đối với du lịch nông nghiệp nằm trong các quy định sau:

+ Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP. Theo Nghị định này, một số địa phương đã áp dụng các hình thức vay vốn ưu đãi cho dự án kinh doanh du lịch, đặc biệt vay vốn từ ngân hàng chính sách. Vốn vay ưu đãi của Ngân hàng Chính sách Xã hội đã tiếp sức cho một số dự án kinh doanh du lịch. Nhờ nguồn vốn vay ưu đãi không phải thế chấp (dưới 50 triệu đồng/hộ), nhiều hộ kinh doanh nhỏ lẻ tại các địa phương như Cần Thơ, Đồng Tháp, Hà Giang... đã chủ động triển khai phương án kinh doanh,

đầu tư phương tiện, sản phẩm phục vụ du lịch. Tuy nhiên, phần lớn nguồn vốn vay ưu đãi theo Nghị định tập trung cho sản xuất nông nghiệp, các dự án đầu tư cho phát triển du lịch chưa nhiều, việc tiếp cận vốn vay ưu đãi còn khó khăn.

+ Trong Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, du lịch, dịch vụ du lịch không có trong danh mục 19 ngành, nghề được ưu đãi đầu tư của khu vực nông nghiệp, nông thôn... Do đó, chưa có căn cứ để doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn được hưởng các ưu đãi.

+ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5 tháng 7 năm 2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chưa có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích liên kết phát triển nông nghiệp, nông thôn với du lịch.

b) Chính sách đặc thù của các địa phương

Chính sách phát triển du lịch nông thôn của các địa phương chủ yếu tập trung hỗ trợ các hộ dân làm du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, các định mức hỗ trợ khác nhau, phạm vi hỗ trợ có nhiều nơi còn dàn trải, quy mô manh mún, thiếu tập trung đồng bộ. Cũng chưa có tiêu chí, định mức hỗ trợ phù hợp, đủ để tạo ra các sản phẩm du lịch nông thôn có chất lượng cao. Chưa có chính sách hỗ trợ cho các liên kết phát triển du lịch và nông nghiệp... Do đó chưa có sản phẩm đồng bộ, tương xứng với khả năng cạnh tranh cao.

Theo báo cáo của 37 tỉnh, thành phố, có 29 địa phương đã ban hành chính sách riêng để phát triển du lịch, trong đó, 11 địa phương đã ban hành các đề án, nghị quyết, chính sách hỗ trợ đặc thù cho du lịch nông thôn. Nhiều địa phương đã tích cực, chủ động đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng NTM, có đề án phát triển tại du lịch của từng địa phương (*như Hà Giang, Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Bà Rịa - Vũng Tàu,...*). Đó là cơ sở để khai thác các thế mạnh nổi trội, đồng thời gắn kết và phát huy một cách toàn diện, hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài tỉnh để đạt được nhiều mục tiêu, cả về xây dựng NTM lẫn phát triển du lịch, nâng cao thu nhập người dân nông thôn, đồng thời bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường. Thừa Thiên Huế đã ban hành Nghị quyết riêng về phát triển du lịch cộng đồng với nhiều chính sách hỗ trợ trực tiếp (Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 9 tháng 7 năm 2019). Một số địa phương xây dựng các đề án phát triển du lịch nông thôn cấp huyện (*như Bát Xát, Lào Cai; Vĩnh Cửu, Đồng Nai; Chợ Lách, Bến Tre; Vĩnh Lộc, Thanh Hoá...*). Các chính sách phát triển du lịch nông thôn của các địa phương thường tập trung vào:

+ Hỗ trợ trực tiếp cho các điểm du lịch, các hộ làm du lịch để nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, trong đó chủ yếu là hỗ trợ công trình hạ tầng (cải tạo, nâng cấp cơ sở lưu trú, hoàn thiện đường giao thông, xây nhà vệ sinh, cải tạo cảnh quan, kiến trúc); hỗ trợ mua sắm phương tiện vận chuyển khách, mua sắm trang thiết bị sinh hoạt cộng đồng (nhạc cụ truyền thống, trang phục truyền thống...). Tỉnh Hà Giang đã hỗ trợ hơn 16 tỷ đồng trong 2017-2019 cho 272 hộ dân làm dịch vụ homestay.

+ Hỗ trợ quản lý, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa. Hỗ trợ các câu lạc bộ, đội văn

nghệ dân gian phục vụ du lịch. Bắc Ninh, Bắc Giang đã hỗ trợ phát triển các câu lạc bộ hát quan họ. Hà Tĩnh hỗ trợ các câu lạc bộ dân ca ví dặm. Sơn La hỗ trợ các câu lạc bộ văn nghệ quần chúng...

+ Hỗ trợ xây dựng và phát triển các nhóm sản phẩm dịch vụ nông thôn gắn với OCOP, như hỗ trợ xây dựng các gian hàng trưng bày và bán sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch (như ở Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Đồng Tháp, Kiên Giang...); xây dựng thí điểm làng văn hóa du lịch, các mô hình nông nghiệp gắn với du lịch. Chương trình OCOP đã hỗ trợ hoàn thiện 10 làng văn hóa du lịch làm điểm chỉ đạo nhân rộng trong cả nước.

+ Hỗ trợ xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực du lịch. Nội dung này thường được lồng ghép trong các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Ngoài ra, nhiều địa phương đã chủ động đào tạo, tập huấn các hộ cung cấp dịch vụ du lịch nông thôn, như: kỹ năng buồng phòng, nấu ăn, hướng dẫn viên... Năm 2020, tỉnh Tuyên Quang đã tổ chức 08 lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hơn 400 học viên là các hộ gia đình tại các điểm du lịch cộng đồng.

+ Chính sách tín dụng cho người dân vay vốn để phát triển sản phẩm du lịch. Nhiều địa phương thực hiện chính sách này để hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng phục vụ du lịch. Một số địa phương hỗ trợ hộ nông dân làm du lịch, như Cần Thơ hỗ trợ qua Ngân hàng Chính sách Xã hội. Có tỉnh (Quảng Ngãi) hỗ trợ thuế, phí đối với các doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo và đa dạng hóa các loại hình, sản phẩm du lịch. Nhìn chung, chính sách tín dụng hỗ trợ phát triển du lịch nông thôn khá phổ biến ở các địa phương, nhưng chưa có tổng kết đánh giá tác động thực hiện chính sách.

+ Hỗ trợ quảng bá, kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các doanh nghiệp, công ty lữ hành và các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch. Các hình thức hỗ trợ phổ biến gồm: hỗ trợ tham gia hội chợ, tuần lễ quảng bá du lịch, các buổi công bố tour du lịch, tổ chức các đoàn khảo sát du lịch farmtrip, presstrip để đưa các công ty lữ hành, các đơn vị truyền thông báo chí về khảo sát du lịch nông thôn... Nhiều địa phương còn có các hỗ trợ riêng cho quảng bá hình ảnh du lịch địa phương tới đông đảo du khách, như Hòa Bình hỗ trợ xây dựng bộ nhận diện thương hiệu các bản du lịch cộng đồng ở Bản Lác, Hang Kia (Mai Châu), xóm Đá Bia (huyện Đà Bắc), Bản Ải (huyện Tân Lạc). Thanh Hóa xây dựng các ấn phẩm giới thiệu điểm du lịch nông thôn của tỉnh, thực hiện các chuyên đề, chuyên mục giới thiệu tiềm năng du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng. Tuyên Quang xây dựng và thực hiện trên 100 video clip quảng bá về du lịch nông thôn trên youtube, các trang mạng...

+ Ngoài các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho du lịch nói chung, du lịch nông thôn nói riêng, một số địa phương đã ban hành chính sách lồng ghép hoặc gián tiếp thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn thông qua chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn; chính sách bảo tồn và phát huy di tích lịch sử, văn hóa vật thể và phi vật thể; chính sách và chương trình bảo tồn, khôi phục các làng nghề truyền thống; các đề án phát huy giá trị văn hóa dân gian và lễ hội...

Nhìn chung, các chính sách được ban hành tương đối sát với nhu cầu thực tiễn, bước đầu đáp ứng được một phần yêu cầu đặt ra để hỗ trợ phát triển du lịch. Một số

tỉnh (như Lào Cai) có chính sách hỗ trợ khá toàn diện. Một số tỉnh (như Bà Rịa - Vũng Tàu) tập trung vào các chính sách đặc thù, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, hướng tới phát triển du lịch chất lượng cao... Tuy nhiên, các chính sách còn thiếu tính đồng bộ, chưa phát huy hết tác động, cần quan tâm điều chỉnh theo các gợi ý: (i) Ban hành chính sách cần gắn với việc triển khai thực hiện, giám sát triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả của chính sách; (ii) Tăng tính kết nối liên ngành, tính hệ thống giữa các chính sách để tăng cường hiệu quả trong thực tế, nhất là các chính sách phát triển sản phẩm du lịch gắn với quảng bá, giới thiệu và kết nối với lữ hành; chính sách hỗ trợ người dân vay vốn gắn với đào tạo, tập huấn để họ nâng cao chất lượng dịch vụ...

4. Một số vấn đề hạn chế của du lịch nông thôn nước ta

a) Các yếu kém bước đầu

Do đang trong giai đoạn đầu phát triển, nông thôn nhiều nơi còn khó khăn về nguồn lực, nhất là các địa phương vùng cao, vùng dân tộc thiểu số - nơi có lợi thế bản địa, du lịch nông thôn nước ta không tránh khỏi những hạn chế cả về sản phẩm, quy mô cách làm, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, hiệu quả kinh tế...

Sản phẩm du lịch nông thôn còn hạn chế ở tính độc đáo và chuyên nghiệp. Số sản phẩm có tính độc đáo còn ít, sản phẩm bị trùng lặp, đơn điệu khá nhiều, nhất là ở các khu vực có điều kiện tự nhiên đồng nhất, tập quán sinh hoạt, văn hóa cộng đồng giống nhau. Nhiều sản phẩm chưa phát huy được giá trị cốt lõi của bản sắc văn hóa truyền thống, sự tinh tế, khác biệt và dấu ấn đặc trưng vùng miền.

Hầu hết các hoạt động du lịch nông thôn vẫn mang tính tự phát, nhỏ lẻ, do chưa có nhiều hoạt động phong phú và các dịch vụ hỗ trợ đủ sức hấp dẫn. Nhiều mô hình đã được khai thác lâu năm, nhưng không được làm mới, chủ yếu dựa vào tận dụng tài nguyên tự nhiên, không còn hấp dẫn. Phần lớn sản phẩm du lịch nông thôn chỉ đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ ngơi, ăn uống, trải nghiệm ở mức đơn giản. Tỷ lệ khách lưu trú còn thấp. Chi tiêu của khách chủ yếu trả cho mua vé tham quan, ăn uống, phòng ở...

Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ tại nhiều điểm du lịch nông nghiệp và nông thôn chưa được đầu tư hoàn chỉnh, hoặc được đầu tư nhưng không đảm bảo chất lượng. Công trình nhà vệ sinh, tình trạng môi trường tại nhiều khu vực không đáp ứng yêu cầu, thậm chí không có nhà vệ sinh, thiếu nước sinh hoạt. Tình trạng ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu cùng với hệ lụy của đô thị hóa, nhường đất cho khu dân cư, khu công nghiệp hoặc các hoạt động sản xuất kinh doanh khác là nguy cơ đe dọa sự phát triển bền vững của du lịch nông thôn nhiều địa phương.

Tính liên kết giữa doanh nghiệp lữ hành và các điểm đến cung cấp hoạt động du lịch còn yếu. Nhiều điểm du lịch tự phát gặp khó khăn trong kết nối với doanh nghiệp lữ hành để hoàn thiện sản phẩm du lịch, thu hút khách trong nước và quốc tế. Phần lớn hàng hóa, sản phẩm nông nghiệp phục vụ nhu cầu mua sắm của du khách mang tính tự cung, tự cấp, do các hộ gia đình tự sản xuất, không có thương hiệu, mẫu mã, bao bì chưa hấp dẫn. Hoạt động trưng bày, trình diễn quy trình sản xuất, hướng dẫn làm các loại sản phẩm chưa được khai thác nhiều.

Nguồn nhân lực cho phát triển du lịch nông thôn còn hạn chế. Số lao động được đào tạo, có tư duy kinh doanh dịch vụ, kỹ năng phục vụ, giao tiếp, biết ngoại ngữ, khả năng sáng tạo, năng lực quản lý, điều hành còn ít. Phần lớn nhân lực trực tiếp phục vụ du khách là bà con nông dân, chỉ quen sản xuất nông nghiệp, làm nương rẫy, đi rừng, phục vụ du lịch là hoạt động mùa vụ kiếm thêm thu nhập. Giữa họ có sự khác biệt về trình độ phát triển, văn hóa, tập quán và ý thức làm việc, nên nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn khi đầu tư và vận hành các cơ sở dịch vụ tại vùng nông thôn. Trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng người dân địa phương chưa đáp ứng yêu cầu, cả về nội dung và phương pháp đào tạo.

Hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn chưa được đầu tư đúng mức, chưa có hệ thống, thiếu chuyên nghiệp, bài bản và chưa đúng đối tượng.

Huy động nguồn lực phát triển du lịch nông thôn còn hạn chế. Nguồn lực phát triển du lịch nông thôn trong thực tế cần được huy động từ nhiều nguồn khác nhau, từ các hộ dân, doanh nghiệp, nguồn tín dụng, nguồn hỗ trợ quốc tế, nguồn ngân sách Trung ương và địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu có liên quan... Tuy nhiên, hiện nay nguồn lực huy động của các địa phương chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Tổng nguồn lực đầu tư cho phát triển du lịch nông thôn nhìn chung còn hạn chế, nhiều tỉnh chỉ mới huy động được vài tỉ đồng từ ngân sách. Nguồn vốn của xây dựng NTM đóng góp đáng kể cho đầu tư cho các công trình hạ tầng, như: đường, điện, nước và hệ thống nhà văn hóa thôn... Một số tỉnh (Hòa Bình) chủ động lồng ghép nguồn vốn xây dựng NTM với phát triển du lịch nông thôn.

Nguồn vốn cho phát triển du lịch nông thôn cũng được lồng ghép với các dự án bảo tồn di sản, chương trình mục tiêu của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, tập trung vào hỗ trợ thiết chế văn hóa, xây dựng nhà văn hóa truyền thống phục vụ du lịch. Nguồn vốn từ các dự án quốc tế hỗ trợ chủ yếu cho các tỉnh miền núi khó khăn, ví dụ Caristas và Helvetas ở Hà Giang, SNV ở Lào Cai, GREAT ở Sơn La,...

Nguồn vốn huy động xã hội hóa từ người dân để phát triển du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng còn rất hạn chế. Giai đoạn 2018-2020, Phú Thọ đã huy động được 10 tỷ đồng từ người dân trong tổng số 25 tỷ vốn đầu tư cho du lịch cộng đồng. Sóc Trăng huy động được 5 tỷ đồng trong tổng số 15 tỷ vốn đầu tư cho du lịch cộng đồng. Nguồn lực từ tín dụng, đầu tư của doanh nghiệp cũng rất hạn chế, tập trung ở các tỉnh có tiềm năng và đang khá phát triển như Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Nguyên nhân

- *Nhận thức về phát triển du lịch nông thôn chưa đầy đủ*, dẫn đến một loạt các yếu tố thiếu hụt. Việc đánh giá nguồn lực phát triển du lịch nông thôn chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều nơi chỉ tập trung khai thác tài nguyên sẵn có, dựa chủ yếu vào yếu tố cảnh quan, sinh thái. Một số địa phương coi phát triển du lịch như phong trào, dẫn tới làm ồ ạt, phá vỡ cảnh quan. Nhiều địa phương chưa nhìn nhận đúng yêu cầu của du lịch là loại hình kinh tế phải gắn với thị trường, với năng lực cung ứng sản phẩm, dẫn đến hệ quả không có thị trường khách ổn định, thiếu kết nối tour tuyến hoàn chỉnh...

- *Còn nhiều vấn đề trong định hướng phát triển du lịch nông thôn.* Trước hết, chúng ta chưa có định hướng chiến lược tổng thể cho phát triển du lịch nông thôn. Vì thế, quy hoạch phát triển du lịch còn thiếu đồng bộ, chưa liên kết chặt chẽ với nông nghiệp và các ngành khác. Hầu hết, phát triển du lịch chưa được đưa vào quy hoạch xây dựng NTM, trong khi quy hoạch và quản lý quy hoạch NTM tại các địa phương cũng chưa hoàn chỉnh, chưa đáp ứng yêu cầu tổng thể, đa dạng của phát triển du lịch nông thôn. Cảnh quan, môi trường tại nhiều khu vực phát triển du lịch chưa được quan tâm đầu tư, hầu hết mới chỉ tập trung vào phát triển homestay, một số tuyến đường giao thông. Thiếu tính liên kết vùng, liên kết ngành trong các đồ án quy hoạch xây dựng xã NTM cho phát triển du lịch.

Chưa có chính sách đầy đủ, năng lực thực thi chính sách còn hạn chế. Còn thiếu chính sách cụ thể thu hút đầu tư tư nhân cho phát triển du lịch nông thôn, như chính sách về đất đai, ưu đãi liên kết đầu tư, tiếp cận vốn đầu tư... Đối với chủ thể là cộng đồng người dân, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tham gia kinh doanh du lịch cộng đồng, homestay chưa phát huy tác dụng mong muốn. Mức hỗ trợ còn thấp, mức vay vốn ưu đãi còn hạn chế, chưa thực sự hấp dẫn...

Việc sử dụng nguồn lực của nhà nước chưa mang tính tổng hợp, thiếu hiệu quả. Chính sách hỗ trợ cho phát triển các khu, điểm du lịch nông thôn thiếu tính đồng bộ. Các đối tượng thụ hưởng chính sách (là các hoạt động hỗ trợ cho phát triển du lịch nông thôn) chưa nhiều, chưa được đầu tư đúng mức, chủ yếu là các hoạt động hỗ trợ quy mô nhỏ, chưa tạo ra những điểm đến và sản phẩm du lịch có tính đột phá.

Thực thi chính sách chưa hiệu quả, thiếu nhất quán, các địa phương lúng túng trong triển khai. Nhiều khó khăn của phát triển du lịch nông thôn tại cơ sở, các vướng mắc về cơ chế vận hành, đầu tư của doanh nghiệp nhưng không được hướng dẫn xử lý kịp thời, nhất là trong sử dụng đất cho phát triển du lịch, dẫn đến nguy cơ phá sản.

Thiếu hệ thống tư vấn, chuyên gia hỗ trợ phát triển du lịch nông thôn. Vì thế, còn nhiều vấn đề quan trọng chưa được quan tâm giải quyết như: đánh giá quy hoạch điểm đến du lịch; cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật; thực trạng nguồn nhân lực; chính sách phát triển; thị trường khách du lịch; sức tải của môi trường du lịch nông thôn...

Yếu kém trong quản lý điểm đến du lịch nông thôn thể hiện trước hết ở thiếu hụt các tiêu chuẩn, tiêu chí xác định điểm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, làm cơ sở định hướng quy hoạch, định hướng đầu tư.

Vai trò điều phối, quản lý hướng dẫn phát triển du lịch nông thôn trong kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác chưa hiệu quả. Chưa có hoặc có đơn vị đầu mối, nhưng chưa năng lực trong tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động du lịch nông thôn tại các làng bản, như hiệp hội, hợp tác xã, câu lạc bộ... Việc phối hợp liên ngành (trong đó có ngành nông nghiệp và ngành du lịch) trong phát triển du lịch nông thôn chưa đồng bộ, thiếu chặt chẽ, chưa đủ hiệu lực theo hệ thống từ trung ương đến cơ sở.

Công tác xúc tiến, liên kết và kết nối thị trường gặp nhiều trở ngại, do năng lực của hệ thống hạn chế, lại thiếu các công cụ, doanh nghiệp hỗ trợ trung gian. Phần lớn mô hình du lịch nông thôn do các hộ dân khai thác, một số ít là hợp tác xã và doanh

nghiệp, phần lớn chỉ là bên cung ứng, tự tìm nguồn khách, ít có khả năng liên kết với các hãng lữ hành. Sự hợp tác, kết nối, phối hợp của các doanh nghiệp lữ hành với các điểm là xương sống của du lịch nông thôn, nhưng thời gian qua còn lỏng lẻo. Công tác xúc tiến, quảng bá chưa được đầu tư đúng mức, thiếu chuyên nghiệp, chiều sâu, chưa gắn sản phẩm với thị trường.

II. MỘT SỐ MÔ HÌNH TỔ CHỨC DU LỊCH NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM

1. Các mô hình tổ chức du lịch nông thôn ở Việt Nam

a) Mô hình du lịch cộng đồng dựa trên tham gia của các hộ gia đình

Nông thôn Việt Nam có tính gắn kết cộng đồng cao. Đó là thuận lợi lớn trong tổ chức du lịch cộng đồng nông thôn dựa vào sự tham gia của người dân. Mô hình du lịch này vừa huy động được sức dân, nguồn vốn của họ, vừa phát huy tốt bản sắc của cộng đồng các dân tộc địa phương, đồng thời thực hiện được mục tiêu phát triển du lịch nông thôn: tăng thu nhập cho người dân. Nội dung tham gia liên kết của các hộ gia đình khá phong phú, trong đó dịch vụ homestay là chủ đạo của du lịch cộng đồng, đang phát triển mạnh tại nhiều địa phương, tạo sức hấp dẫn của du lịch nông thôn. Bên cạnh đó, người dân còn thực hiện các dịch vụ khác gắn với du lịch cộng đồng, đem lại nguồn thu⁽¹²⁾ như dịch vụ ăn uống, vận chuyển (chèo thuyền, lái xuồng, ca nô), hoạt động khám phá (thể thao, đi bộ, đạp xe địa hình...), hoạt động trải nghiệm (hướng dẫn khách du lịch trồng trọt, thu hái sản vật địa phương)... Du lịch cộng đồng đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương, tạo việc làm và thu nhập quan trọng cho nhiều hộ gia đình⁽¹³⁾, nhất là ở các xã vùng núi, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số ít có điều kiện phát triển các ngành nghề kinh tế khác, góp phần giảm nghèo.

Các mô hình du lịch cộng đồng hiện thường được tổ chức quản lý thông qua: (i) Ban quản lý du lịch cộng đồng, giúp phân chia nguồn khách, lợi nhuận kinh doanh, quản lý điểm đến, giải quyết những vấn đề chung như bảo vệ môi trường, cảnh quan; (ii) Hợp tác xã hoặc Tổ hợp tác, giúp tập hợp các hộ gia đình và phân công phục vụ khách; (iii) Các hộ gia đình tự khai thác và cung cấp dịch vụ homestay.

Ưu điểm của mô hình du lịch cộng đồng này là, các hộ dân chủ động, dễ tiếp cận hoạt động kinh doanh du lịch, tranh thủ điều kiện sẵn có của gia đình, bản sắc văn hóa của dân tộc để thu hút khách du lịch, vốn đầu tư thấp.

Hạn chế là, hầu hết các hộ kinh doanh cá thể nguồn vốn hạn chế, ít được đào tạo, chưa làm tốt nhiều dịch vụ du lịch đa dạng, gặp khó khăn trong đảm bảo chất lượng du lịch, các vấn đề an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ tại cơ sở lưu trú; tính liên kết lỏng lẻo, khó tiếp cận nguồn khách. Hầu hết các hộ gia đình khó liên kết với

¹²⁰ Về các khoản thu từ dịch vụ du lịch chủ yếu gồm: thu từ bán vé tham quan thôn bản (bản Sin Súi Hồ 20.000 đồng/khách); từ dịch vụ lưu trú homestay (khoảng 300.000đ/đêm đối với phòng riêng, 80.000 - 100.000đ/đêm đối với nhà sàn); từ dịch vụ ăn uống (khoảng 100.000 - 150.000đ/bữa/người); từ biểu diễn văn nghệ (khoảng 700.000 - 1.000.000đ/buổi); từ dịch vụ vận chuyển khách (xe ôm, xe điện...); từ hướng dẫn tham quan; bán hàng (hàng thổ cẩm, đồ trang sức, đặc sản địa phương...).

¹³⁰ Theo kết quả điều tra của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch Lào Cai năm 2018, thu nhập bình quân từ du lịch cộng đồng năm 2010 ở mức 20-30 triệu đồng/hộ/năm thì đến nay đã đạt từ 60-100 triệu đồng/hộ/năm.

nhau trong bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, học tập nâng cao chất lượng phục vụ. Các hộ kinh doanh mang tính tự phát ngày càng đông, trong khi chức năng điều phối hoạt động du lịch cộng đồng tại cơ sở (Ban quản lý, hợp tác xã, tổ hợp tác) không hiệu quả, khó thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, đảm bảo chia sẻ lợi ích hài hòa.

Nhiều công ty, đơn vị tư vấn phát triển đã hỗ trợ, tư vấn kết nối các hộ gia đình trong du lịch cộng đồng. Điển hình là Công ty TNHH CBT Việt Nam (Community based tourism). Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, CBT Việt Nam đã hỗ trợ, tư vấn cho hơn 40 cơ sở homestay trên toàn quốc, trong đó tập trung chủ yếu tại vùng Trung du miền núi phía Bắc, vùng ven biển, Đồng bằng sông Cửu Long. CBT là đơn vị tư vấn đầu tư những sản phẩm mang phong cách riêng, đảm bảo chất lượng dịch vụ (phòng ngủ, bữa ăn, trang phục, kỹ năng, quy trình phục vụ khách), tập huấn “*cầm tay chỉ việc*” cho người dân, hướng dẫn sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường, đồng thời kết nối với các hãng lữ hành trong và ngoài nước, đảm bảo các hộ gia đình có lượng khách thường xuyên. CBT cũng giúp quản trị chất lượng dịch vụ của hệ thống homestay thông qua phản hồi của du khách và của hãng lữ hành. Năm 2019, hệ thống homestay do CBT tư vấn dự kiến sẽ đón 500.000 lượt khách. Năm 2020, lượng khách dự kiến sẽ tăng gấp đôi. Riêng năm 2018, cơ sở homestay Mai Hịch (Hòa Bình) do CBT tư vấn đã đón 20.000 lượt khách, chi tiêu trung bình khoảng 600.000 đồng/khách cho các dịch vụ lưu trú, ăn uống và trải nghiệm. Đây là một mức doanh thu đáng kể của hoạt động du lịch cộng đồng vùng núi phía Bắc. Mô hình này rất cần được nhân rộng.

b) Mô hình doanh nghiệp du lịch liên kết với các hộ gia đình

Mô hình này được xây dựng trên cơ sở hợp tác (có hợp đồng) giữa doanh nghiệp lữ hành và một số hộ gia đình đủ tiêu chuẩn đón khách. Doanh nghiệp tổ chức tập huấn cho chủ nhà về kỹ năng đón tiếp và phục vụ du khách. Doanh nghiệp trực tiếp đón khách, đưa khách đến trải nghiệm “*cùng ăn, cùng ở, cùng sinh hoạt*” với các hộ gia đình địa phương. Điển hình là các mô hình Ecohost tại Nam Định, doanh nghiệp Ngôi sao tại Ninh Bình. Mô hình này mang lại lợi ích cho cả doanh nghiệp (tiếp nhận nhiều đoàn khách mà không cần đầu tư vốn cơ sở vật chất) và hộ gia đình (luôn được đảm bảo số lượng khách đến lưu trú, không phải tìm kiếm nguồn khách) với điều kiện nguồn khách du lịch được duy trì ổn định.

c) Mô hình doanh nghiệp đầu tư trang trại nghỉ dưỡng, giáo dục gắn với sinh thái nông nghiệp

Tại các vùng nông thôn phụ cận đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, chủ đầu tư - doanh nghiệp xây dựng các khu nghỉ dưỡng, trang trại sinh thái vui chơi, giải trí có tính chất khép kín, với các công trình đồng bộ, đảm bảo chất lượng dịch vụ, tạo nên sản phẩm du lịch hấp dẫn. Các khu nghỉ dưỡng du lịch nông thôn chất lượng cao (resort 4-5 sao) được đầu tư bài bản, chuyên nghiệp ở nhiều địa bàn vùng núi, ven biển như Topass (Lào Cai), Le champ - Mù Cang Chải (Yên Bái), Kolia (Cao Bằng), Pu Luong Retreat (Thanh Hóa), Emic Hospitality (Quảng Nam)... Tại các mô hình này, chủ đầu tư chủ động quyết định mô hình kiến trúc của điểm đến, chủ động đào tạo, triển khai các sản phẩm kinh doanh du lịch, kết nối với các doanh nghiệp lữ

hành tổ chức nhiều chương trình trải nghiệm. Tuy nhiên, mô hình này đòi hỏi vốn đầu tư lớn mà người dân địa phương không thể tham gia, sử dụng nhiều quỹ đất dễ gây xung đột lợi ích với cộng đồng địa phương. Ngay vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển du lịch cũng là thách thức. Đây là loại hình du lịch hình thành ở nông thôn, nhưng “*thoát ly nông thôn*”, do không thu hút được sự tham gia của người dân địa phương và không chia sẻ lợi ích thỏa đáng với họ.

d) Mô hình tổ chức, cá nhân canh tác nông nghiệp, sản xuất tiểu thủ công nghiệp kết hợp khai thác du lịch

Các hoạt động du lịch được khai thác trực tiếp trên khu vực sản xuất nông nghiệp và ngành nghề nông thôn để hình thành các chuỗi giá trị du lịch gắn với sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Mô hình này cho phép bảo vệ được khu vực sản xuất, nguồn nguyên liệu đặc trưng cho khai thác du lịch. Tại nhiều địa phương, các nhà vườn, trang trại canh tác, khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao trở thành điểm đến hấp dẫn du khách. Mô hình kinh doanh này có xu hướng phát triển ở nhiều địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ...

đ) Mô hình trang trại nông nghiệp kết hợp dịch vụ du lịch (farmstay) và hợp tác xã nông nghiệp có kết hợp cung cấp dịch vụ du lịch

Đây là mô hình du lịch nông nghiệp được tổ chức quy hơn so với quy mô hộ gia đình nhỏ nói ở trên. Loại hình du lịch này gồm du lịch trang trại (farmstay) của kinh tế hộ lớn và du lịch hợp tác xã nông nghiệp gồm nhiều hộ tham gia.

+ Về trang trại nông nghiệp có kết hợp dịch vụ du lịch (farmstay). Tính đến hết năm 2019, cả nước có 34.348 trang trại nông nghiệp. Dựa trên báo cáo nhanh của một số địa phương, hiện chỉ có một bộ phận nhỏ các trang trại nông nghiệp (ước tính không quá 5%) có kết hợp thêm các hoạt động du lịch. Ở 13/37 tỉnh, thành phố có 30 trang trại nông nghiệp có kết hợp cung cấp dịch vụ du lịch. Nhìn chung, việc phát triển mô hình farmstay chuyên nghiệp còn rất hạn chế. Hầu hết các địa phương chưa có, hoặc chỉ mới phát triển các loại hình du lịch tham quan trang trại trong ngày và chưa có hoạt động lưu trú. Phần lớn dịch vụ do các hộ gia đình, tổ hợp tác cung cấp ở mức độ đơn giản, như: trải nghiệm, tham quan, chụp ảnh checkin... Chất lượng dịch vụ không đồng đều, nguồn khách không ổn định. Tuy nhiên, đây là mô hình có xu hướng phát triển nhanh những năm gần đây, có những tác động nhất định đến sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn nói chung và kinh tế hộ gia đình nói riêng.

Hiện nay, việc phát triển các mô hình farmstay gặp một số khó khăn: (1) Phát triển tự phát, không có quy hoạch, chưa thu hút được nhiều du khách, chưa hình thành tour tuyến, thiếu thông tin, quảng bá, dịch vụ du lịch còn đơn giản, thiếu hấp dẫn để kéo dài thời gian lưu trú và tăng chi tiêu của du khách; (2) Lao động chưa được đào tạo, thiếu kiến thức, kỹ năng du lịch nông nghiệp; (3) Công tác quản lý nhà nước về trang trại gắn với du lịch nông nghiệp, nông thôn chưa hoàn thiện; đặc biệt thiếu cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thiếu tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định về kinh doanh, bảo vệ môi trường cho hoạt động du lịch trong trang trại nông nghiệp.

Ngoài ra, sự kiểm soát an toàn lao động, điều kiện lưu trú, đảm bảo vệ sinh an

toàn thực phẩm, xử lý môi trường, an ninh trật tự đối với các trang trại nông nghiệp có hoạt động du lịch rất hạn chế, hầu như chưa thực hiện được. Ở nhiều địa phương, do áp dụng thu hút khách du lịch nội địa, nên có hiện tượng cạnh tranh, giành khách thiếu lành mạnh, dẫn đến nguy cơ bùng phát tiêu cực cò mồi, chèo kéo, để lại ấn tượng xấu cho du khách, nhất là người nước ngoài về loại hình du lịch này.

+ *Về hợp tác xã nông nghiệp có kết hợp dịch vụ du lịch.* Theo báo cáo của các tỉnh, trong số các hợp tác xã nông nghiệp⁽¹⁴⁾, số có kết hợp cung cấp dịch vụ du lịch đã hình thành ở các địa phương. Ở 14/37 tỉnh có báo cáo đã 48 hợp tác xã như vậy. Các mô hình hợp tác xã phát triển du lịch khá đa dạng, tùy thuộc vào tài nguyên du lịch và khả năng khai thác của các địa phương. Có thể phân thành 02 dạng mô hình: (i) Hợp tác xã sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch. Nhờ vào lợi thế tài nguyên, nhiều hợp tác xã ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long đã phát triển các sản phẩm phục vụ khách du lịch; (ii) Hợp tác xã phát triển du lịch cộng đồng, kết hợp nghỉ dưỡng (homestay). Loại hình này xuất hiện phổ biến ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, gắn liền với bản sắc văn hóa đặc trưng của các cộng đồng thôn, bản. Tuy nhiên, phần lớn mô hình hợp tác xã du lịch hoạt động chưa hiệu quả.

2. Các mô hình du lịch nông thôn ở các vùng, miền

Cùng với xây dựng NTM, nhiều điểm đến du lịch nông thôn được hình thành nhờ khai thác giá trị đặc sắc, mang đậm dấu ấn văn hóa, sinh thái vùng miền. Theo thống kê từ các địa phương, cả nước hiện có trên 1.300 khu, điểm du lịch thuộc các địa phương quản lý, trong đó khoảng 70% là các điểm du lịch thuộc khu vực nông thôn.

a) Vùng Trung du miền núi phía Bắc

Vùng Trung du miền núi phía Bắc là đất đa dân tộc, đa văn hóa truyền thống lâu đời của cư dân văn minh đồng thau, có tiềm năng lớn để phát triển du lịch cộng đồng với nhiều sắc thái đặc trưng của 32 dân tộc cư trú xen kẽ, như Thái, Mường, Tày, Nùng, Dao, H'Mông, Bô Y, Giáy, Hà Nhì, Kháng, Máng, Khomu, Sila, Xinh Mu, La Ha, Lự... Trong đó các dân tộc tiêu biểu, chiếm số lượng dân lớn là Thái, Mường, H'Mông, Dao, Tày, Nùng. Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa tiêu biểu, đặc sắc, thể hiện ở phong tục tập quán, kiến trúc nhà ở, nếp sống, trang phục, ẩm thực, ca múa nhạc dân gian, tiếng nói, lễ hội, nghề truyền thống... Vì thế, du lịch nông thôn trong vùng đang được khai thác theo các hướng:

- *Du lịch bản làng:* Là du lịch cộng đồng gắn với thăm quan, trải nghiệm bản làng dân tộc thiểu số. Vùng này có hàng trăm bản làng các dân tộc thiểu số với bản sắc văn hóa, phong tục khác nhau, đã và đang được đầu tư phát triển du lịch. Nhiều bản đã trở thành điểm đến hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, như Noong Bua, Mến, Him Lam, Ten, U Va, Bó, Kéo ở Điện Biên; Bản Hòn, Khâu 1, Gia Khâu 2, Vàng Pheo, Tả Phìn, San Thàng, Sỉ Thầu Chải, Sin Suối Hồ ở Lai Châu; Bản Tả Van, Lao Chải, Hồ,

¹⁴⁰ Ước tính đến 31/12/2020 cả nước có 17.462 HTX nông nghiệp và 68 Liên hiệp HTX nông nghiệp. Trong đó có 5.377 HTX trồng trọt, 940 HTX chăn nuôi, 152 HTX lâm nghiệp, 893 HTX thủy sản, 33 HTX diêm nghiệp, 114 HTX nước sạch nông thôn, 9.201 HTX tổng hợp.

Tả Phìn, Sủ Pán, Hầu Thào, Cát Cát ở Lào Cai; Bản Áng, Bó Bun, Hua Tát, Phụ Mầu ở Sơn La; Bản Lác, Mai Hịch ở Mai Châu; Bản Búrc, Mường Giang Mỗ ở Hòa Bình.

- *Du lịch văn hóa vùng cao*: Là du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm văn hóa các dân tộc vùng cao. Sản phẩm du lịch được phát triển dựa trên đặc trưng cảnh quan và bản sắc văn hóa các dân tộc vùng cao, như phong tục tập quán, kiến trúc nhà ở, nếp sống, trang phục, ẩm thực, ca múa nhạc dân gian, tiếng nói, lễ hội, nghề truyền thống...

- *Du lịch lễ hội*: Là du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm các lễ hội, văn hóa dân gian. Các lễ hội văn hóa tiêu biểu, gồm: Chá chiêng người Thái; Cồng chiêng người Mường; Xuống đồng người Tày, Giáy; Gầu Tào, Cúng Rừng; Đám cưới và các làn điệu dân ca hát ru, múa khèn, Lễ hội Hoa Ban của người Mông; Lễ hội khám phá danh thắng quốc gia ruộng bậc thang; Festival dù lượn; Chợ phiên vùng cao; Các giá trị văn hóa Mù Cang Chải, Yên Bái; Lễ hội Mẫu Sơn, Lễ hội Cao nguyên trắng Bắc Hà...

- *Du lịch thể thao gắn với vùng cao*: Gần đây, một số tỉnh trong vùng xây dựng được những sản phẩm du lịch mới gắn với hoạt động thể thao, thu hút đông đảo du khách tham gia trải nghiệm, như: Giải đua ngựa truyền thống (Bắc Hà); giải ma-ra-tông leo núi quốc tế, đua xe đạp quốc tế một vòng đua hai quốc gia Việt - Trung (Lào Cai); giải đua xe đạp địa hình Xín Mần - Bắc Hà (Hà Giang - Lào Cai); các tour du lịch chinh phục đỉnh cao Ky Quan San, Lão Thẩn (Lào Cai), Pu Ta Leng, Tả Liên Sơn (Lai Châu)...

Ngoài ra, trong vùng cũng có một số công trình du lịch nghỉ dưỡng vùng núi, có tính chuyên nghiệp cao, đầu tư bài bản, tạo được dấu ấn du lịch vùng cao, như: Topass (Lào Cai), Le champ - Mù Cang Chải (Yên Bái), Kolia (Cao Bằng)...

Các địa phương trong vùng đã quan tâm đến liên kết phát triển du lịch, không chỉ giữa các tỉnh lân cận, mà còn giữa các tỉnh trong vùng với một số trung tâm du lịch lớn cả nước. Tiêu biểu như “*Du lịch về nguồn*” liên kết giữa các tỉnh Phú Thọ, Yên Bái, Lào Cai; “*Du lịch tâm linh lưu vực sông Hồng*” giữa Yên Bái và Lào Cai; “*Du lịch cung đường Tây Bắc*” giữa Lào Cai và Lai Châu. Hai tỉnh Sơn La, Điện Biên những năm gần đây liên kết với công ty lữ hành Hà Nội tổ chức các tour từ Hà Nội đi Sơn La, Điện Biên, với điểm nhấn trên hành trình là cao nguyên Mộc Châu, đỉnh Pha Luông, Tà Xùa (Sơn La), di tích Điện Biên Phủ, ngã ba biên giới A Pa Chải, hồ Pá Khoang, cửa khẩu Tây Trang (Điện Biên). Chương trình du lịch được thiết kế hài hòa giữa tham quan danh lam thắng cảnh và trải nghiệm văn hoá của các địa phương, dân tộc.

Tuy nhiên, nhiều bản, làng dân tộc phát triển du lịch chủ yếu dựa vào cung ứng dịch vụ homestay, còn ít các hoạt động trải nghiệm. Có những mô hình khai thác các sản phẩm giống nhau (nhà sàn, cơm lam, múa xòe), nên bị giảm sút lượng khách. Do phát triển tự phát, nhiều bản không có quy hoạch xây dựng, chưa chú trọng giữ gìn cảnh quan, môi trường, dẫn tới phá vỡ cảnh quan (Sapa - Lào Cai, Ba Bể - Bắc Kạn). Một số điểm tập trung khách quá đông, bị quá tải (Sapa). Lượng khách trải nghiệm tự túc, chi tiêu thấp (khách đi phượt) còn chiếm tỉ lệ lớn tại nhiều địa phương.

b) Vùng Đồng bằng sông Hồng

Đây là một trong hai vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước, có nhiều điều kiện thuận lợi trong phát triển kinh tế đồng bằng, có truyền thống canh tác nông nghiệp lâu đời, tập trung đông dân cư nhất cả nước, thuận lợi về giao thông, thương mại, phát triển đa dạng ngành nghề... Vùng lại có thuận lợi trong kết nối với các trung tâm du lịch lớn, như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình,... nên dễ tạo nên các tour, chuỗi du lịch liên hoàn.

Thế mạnh về du lịch nông thôn của vùng là văn hóa lúa nước, văn hóa làng xã Bắc Bộ với các kiến trúc làng cổ có các điểm nhấn “*cây đa, bến nước, sân đình*”, các làng nông nghiệp, làng nghề truyền thống có không gian làng xã đa dạng, sinh động, các cảnh quan đồng quê đẹp trữ tình. Nhiều làng xã ở Đồng bằng sông Hồng có giá trị văn hóa nghề truyền thống, kiến trúc, cảnh quan và nhiều giá trị di sản phi vật thể phong phú, được bảo tồn và phát huy như những giá trị quý giá của dân tộc, có sức hút lớn với du khách trong nước và quốc tế. Với những lợi thế đó, du lịch nông thôn trong vùng đang được khai thác theo các hướng:

- *Du lịch làng nghề*: Là các tour du lịch gắn với các làng nghề truyền thống, với các hoạt động tham quan Làng tranh dân gian Đông Hồ, Làng Gốm Phù Lãng (Bắc Ninh), Làng Gốm Bát Tràng, Làng Lụa Vạn Phúc (Hà Nội)... Tuy nhiên, hiệu quả khai thác còn hạn chế. Hà Nội đã xây dựng đề án 17 làng nghề du lịch, nhưng hiện mới khai thác được Bát Tràng và Vạn Phúc.

- *Du lịch cảnh quan nông thôn*: Là du lịch gắn với cảnh quan vùng nông thôn Bắc Bộ, tiêu biểu là tour du lịch mùa lúa chín tại Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội; thăm làng cổ Bò Dương, tỉnh Hải Dương, trải nghiệm trình diễn nghệ thuật truyền thống; du lịch mùa vàng, một ngày làm nông dân tại Ninh Bình; mô hình trang trại sinh thái nông nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao phục vụ du lịch học đường, du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần tại Hà Nội và các tỉnh phụ cận; du lịch làng quê Yên Đức (Đông Triều, Quảng Ninh); du lịch sinh thái nông nghiệp tại Ba Vì (Hà Nội). Hiện tại, quanh Hà Nội và các tỉnh phụ cận có khoảng trên 40 điểm du lịch, khu trang trại sinh thái được khai thác du lịch học đường, như: Trang trại giáo dục Era House (Long Biên); Trang trại đồng quê Ba Vì; Trang trại Edu farm (Chương Mỹ); Trang trại giáo dục Việt Village (Thường Tín)... Một số dự án kết hợp sinh kế nông nghiệp và du lịch đã được khai thác, như: dự án hỗ trợ phát triển khu vực nuôi hải sản kết hợp du lịch sinh thái cho người dân sống ở vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy, Giao Thủy (Nam Định).

- *Du lịch nông nghiệp*: Nhiều địa phương sở hữu vùng canh tác cây ăn quả, lúa đặc sản lớn, như: vải Thanh Hà (Hải Dương); nhãn, cam Hưng Yên; gạo Hải Hậu (Nam Định)... Nhưng hầu hết chưa khai thác được thế mạnh này cho phát triển du lịch. Nhiều điểm du lịch nông thôn chỉ được khai thác khi kết hợp những tài nguyên du lịch nổi trội khác, như: du lịch nông thôn Ninh Bình gắn với Di sản thắng cảnh Tràng An; du lịch làng quê Yên Đức, du lịch nông nghiệp tại Hoàn Bò gắn với Hạ Long (Quảng Ninh)...

c) Vùng Bắc Trung Bộ

Vùng Bắc Trung Bộ có tài nguyên du lịch hết sức phong phú dọc bờ biển trải dài và nền văn hóa đặc sắc, nhiều cửa khẩu giáp với Lào. Đây là vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển du lịch Việt Nam, cũng như phát triển kinh tế và du lịch trên hành lang Đông - Tây với các nước trong khu vực. Bắc Trung Bộ là vùng đất địa linh nhân kiệt, gắn với nhiều vương triều trong lịch sử và các danh nhân văn hóa, lịch sử. Vì vậy, ở đây đang khai thác ưu thế du lịch biển đảo và các loại hình du lịch văn hóa, lịch sử:

- *Du lịch sinh thái* được khai thác nhờ sự đa dạng sinh học, nhiều hệ sinh thái đặc trưng, đặc biệt tập trung ở các vườn quốc gia Bến En, Pù Mát, Vũ Quang, Phong Nha – Kẻ Bàng. Các điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn tiêu biểu, gồm: du lịch sinh thái Pù Luông (Thanh Hóa); du lịch đảo chè Thanh Chương (Nghệ An); du lịch sinh thái Pù Mát (Nghệ An); du lịch sinh thái đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (Thừa Thiên Huế); du lịch khám phá hang động Phong Nha - Kẻ Bàng (Quảng Bình). Thừa Thiên Huế hiện đang khai thác 17 điểm du lịch cộng đồng...

- *Du lịch văn hóa, lịch sử* được tổ chức tại các địa phương có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng có giá trị du lịch, như di tích ngã ba Đồng Lộc, di tích tưởng niệm Nguyễn Du, Quảng Bình Quan, Thành Chăm Pa Ninh Viễn, địa đạo Vĩnh Mốc, thành cổ Quảng Trị, cầu Hiền Lương... Khu di tích văn hóa lịch sử Kim Liên (Nam Đàn) gắn liền với cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống tài nguyên nhân văn ở tỉnh Nghệ An và vùng Bắc Trung Bộ.

- *Du lịch làng nghề thủ công truyền thống* được khai thác ở các làng nghề với những sản phẩm có chất lượng. Tỉnh Thanh Hóa nổi tiếng với nghề dệt chiếu cói Nga Sơn, nghề chế tác đá Đông Sơn. Tỉnh Nghệ An được biết đến với nghề làm gốm gia dụng bằng tay, nghề thêu đan của dân tộc Thái, H'Mông, Mường. Hà Tĩnh có nghề chằm tơ Thạch Hương, nghề gốm đất nung Cổ Đạm. Tỉnh Quảng Bình có làng nghề làm nón Ba Đồn, làng nghề mây tre đan truyền thống, nghề nấu rượu ở Kim Long, nghề làm hương Đông Định. Tỉnh Thừa Thiên Huế có các làng nghề làm nón Tây Hồ, nghề kim hoàn Kế Môn, nghề dệt tơ Phú Cam, nghề chạm khắc gỗ Mỹ Xuyên, nghề làm hoa giấy, nghề gốm ở Phước Tích...

Tuy nhiên, phần lớn các sản phẩm du lịch nông thôn ở khu vực này chưa thực sự thu hút khách du lịch do tiếp cận giao thông chưa thuận tiện, chưa có nhiều dịch vụ trải nghiệm hấp dẫn.

d) Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là vùng có bờ biển dài nhất Việt Nam (hơn 1.300 km), có thế mạnh về du lịch biển đảo và du lịch sinh thái. Tài nguyên độc đáo tiêu biểu là các khu bảo tồn thiên nhiên, cồn cát, ghềnh đá ven biển... Ngoài biển đảo, vùng Nam Trung Bộ cũng có nhiều danh thắng, di tích, di sản với những giá trị về mặt văn hóa, lịch sử, tâm linh và nghỉ dưỡng⁽¹⁵⁾. Trong đó nhiều di sản được Unesco công nhận, như Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), Khu di tích lịch sử văn hóa Vạn Tường (Quảng Ngãi), các công trình tháp Chăm (Ninh Thuận, Bình

¹⁵⁰ Hiện vùng NTB có khoảng 362 di tích được xếp hạng, chiếm 14,4% số di tích được xếp hạng của cả nước.

Thuận...). Bên cạnh vẻ đẹp của tự nhiên và di tích, thì hệ sinh thái với những loài động thực vật đa dạng cũng tạo nên sức hút du lịch cho vùng. Nguồn hải sản ở đây phong phú, chiếm gần 20% sản lượng đánh bắt của cả nước, với những đặc sản tôm, tôm hùm, cá mú, ngọc trai... Nhiều loài động vật chủng loại đa dạng, như thú có 7 bộ, 19 họ và trên 50 loài⁽¹⁶⁾; chim có 13 bộ và trên 150 loài⁽¹⁷⁾.

Vùng Nam Trung Bộ đã khai thác khá tốt du lịch cộng đồng với các sản phẩm đặc trưng văn hóa, lịch sử, lối sống, lễ hội của cộng đồng các địa phương, thăm quan trải nghiệm cuộc sống làng quê, ngành nghề thủ công, nghề nông... Du khách được cày bừa, cuốc đất, trồng rau, gánh nước tưới cây, tham gia làm nghề, được thưởng thức ẩm thực truyền thống, chèo thuyền, đánh bắt cá, nghỉ dưỡng trong các cơ sở lưu trú chất lượng cao tại nông thôn... Các sản phẩm du lịch ở nhiều địa phương đã tạo được sức hấp dẫn và thiện cảm lớn với du khách, tiêu biểu là Đà Nẵng (du lịch cộng đồng, nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, thể thao mạo hiểm khám phá); Quảng Nam (du lịch trải nghiệm các nghề nông tại các làng rau Trà Quế, An Mỹ, Thanh Đông, nghề gốm Thanh Hà, làng chài Cù Lao Chàm, làng bấp Cẩm Nam, rừng dừa Bảy mẫu Cẩm Thanh (Hội An), du lịch cộng đồng dân tộc Cơ Tu huyện Nam Giang); Quảng Ngãi (trải nghiệm khám phá huyện đảo Lý Sơn, trồng rau hữu cơ thôn Dương Quang, xã Đức Thắng huyện Mộ Đức); Ninh Thuận (trải nghiệm nông nghiệp tại vùng canh tác nho, táo ở Ninh Phước; chăn nuôi dê, cừu ở Ninh Hải, Thuận Nam, Ninh Phước, Thuận Bắc)...

đ) Vùng Tây Nguyên

Vùng Tây Nguyên là nơi sinh sống của 47 dân tộc anh em (Bân, Xơ đăng, Ba Na,...). Mỗi dân tộc đều có bản sắc văn hóa độc đáo, điển hình là không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, kiến trúc Nhà Rông.... Đây là những tài nguyên rất giá trị để phát triển du lịch văn hóa cộng đồng. Tây Nguyên còn nổi tiếng với các cao nguyên, trang trại cà phê, ca cao, hồ tiêu và đặc biệt là hoa... Với những nhân tố này, ở đây đang phát triển các loại hình du lịch nông thôn sau:

Du lịch văn hóa: Là du lịch cộng đồng trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa độc đáo của các buôn làng, không gian văn hóa Công chiêng Tây Nguyên (Buôn Đôn, Buôn Kon K'tu...). Hiện, khu vực Tây Nguyên có 492 cơ sở lưu trú với mô hình homestay sức chứa 3.845 khách, chiếm 45% tổng số cơ sở lưu trú homestay cả nước.

Du lịch nông nghiệp: Là các tour du lịch gắn với hoạt động sản xuất nông nghiệp, tham quan trang trại cà phê, chè, rau, trái cây đặc trưng của Tây Nguyên, kết hợp với du lịch sinh thái, văn hóa. Loại hình này tạo được nhiều sản phẩm có sức hút và hiệu quả kinh tế, như: tour du lịch trải nghiệm khai thác các giá trị văn hóa Tây Nguyên (Buôn Đôn, Lắc); du lịch sinh thái khám phá đa dạng sinh học tại vườn quốc gia Chư Mom Ray (Kon Tum); Vườn quốc gia Cù Yang Sin (Đắk Lắk); Vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà; khám phá hệ thống thác nước và thủy điện Yaly, hồ Lắk, cao nguyên Lâm Viên.

¹⁶⁰ Các loài đại diện như hổ, báo, gấu, bò rừng, sơn dương, sóc chân vàng, voọc ngũ sắc, khỉ đuôi dài, trăn gấm...

¹⁷⁰ Các loài đại diện gồm có: công, đại bàng đất, gà lôi, bìm bịp, đặc biệt chim yến cho sản phẩm có giá trị cao, nổi tiếng trong nước và quốc tế.

Tại Đà Lạt, nhiều doanh nghiệp đầu tư trang trại canh tác hoa, chè, trồng rau, ăn trái hữu cơ kết hợp phục vụ khách tham quan du lịch, tạo thành chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp, hàng năm đón trên 500.000 khách, đem lại doanh thu hàng chục tỷ đồng. Tiêu biểu là Công ty cổ phần sinh học Rừng Hoa; Công ty cổ phần chè Cầu Đất, Công ty Langbiang Farm... Trong 05 tỉnh Tây Nguyên, Lâm Đồng là tỉnh có khả năng thu hút khách lớn nhất nhờ sự phong phú, đa dạng của sản phẩm du lịch, đồng bộ về cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thuận lợi về tiếp cận thị trường với TP Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số thị trường khách quốc tế.

e) Vùng Đông Nam Bộ

Vùng Đông Nam Bộ có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái nhờ bờ biển dài gần 180 km và thềm lục địa rộng trên 100.000 km². Các tài nguyên du lịch gắn với biển, tiêu biểu là bãi biển đẹp, nước trong tại Bà Rịa - Vũng Tàu; hệ sinh thái và khu dự trữ sinh quyển đất ngập mặn tại Cần Giờ đã được UNESCO công nhận; khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai. Hệ thống các vườn quốc gia có giá trị du lịch là Nam Cát Tiên (Đồng Nai), Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu), Bù Gia Mập (Bình Phước), Lò Gò - Xa Mát (Tây Ninh). Bên cạnh đó là tài nguyên du lịch gắn liền với cảnh quan núi, như: Núi Bà Đen, Núi Bà Rá, Núi Dinh...; tài nguyên du lịch gắn liền với cảnh quan, hệ sinh thái sông hồ, như: sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông, sông Đồng Nai; hồ Dầu Tiếng; hồ Trị An (Đồng Nai); hồ Thác Mơ (Bình Phước). Đông Nam Bộ là vùng đất địa linh nhân kiệt, chiếc nôi của cách mạng, để lại nhiều di tích lịch sử, cách mạng cấp quốc gia.

Với lợi thế có trung tâm gửi khách lớn nhất cả nước là thành phố Hồ Chí Minh, Đông Nam Bộ đã linh hoạt, sáng tạo trong liên kết phát triển các sản phẩm du lịch thu hút du khách đến nông thôn, tạo các chuỗi giá trị du lịch nông thôn tiêu biểu như:

- *Du lịch sinh thái cộng đồng trải nghiệm tại các nông trại miệt vườn với các vườn cây ăn trái đặc sản ở Lái Thiêu, Bạch Đằng Bình Dương.* Các tour này thăm quan nhà vườn, thưởng thức đặc sản trái cây, ẩm thực địa phương, tham gia làm bánh, kẹo... Ngoài ra, còn có các tour du lịch gắn với sinh thái, tâm linh ở Bình Phước, Tây Ninh.

- *Du lịch trải nghiệm nông nghiệp công nghệ cao* nổi bật là các tour trồng rau hữu cơ, phong lan, cây cảnh, trang trại điều, cà phê, cao su ở Củ Chi, TP Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước; tour chuyên đề dành cho sinh viên, học sinh tìm hiểu quy trình chăn nuôi bò sữa tại Củ Chi; tour du lịch tham quan làng nghề sơn mài, gốm sứ ở Bình Dương; tour khai thác tuyến đường sông Tân Cảng - Cần Thạnh, Cần Giờ, tìm hiểu về một góc khác của Sài Gòn, đi tới khu vực nông thôn tham quan Làng Hài, huyện Cần Thạnh; nuôi trồng thủy sản, tham quan thị trấn Cần Thạnh, lăng Ông Thủy tướng, cảng cá Đồng Hòa; tour tham quan làng Yếm lớn nhất Việt Nam, tìm hiểu quy trình nuôi, thu hoạch, nuôi và chế biến tổ yến...

Nhiều chương trình du lịch sinh thái, nông nghiệp ở TP Hồ Chí Minh đã được nhiều công ty lữ hành khai thác thường xuyên, như: Một ngày làm nông dân tại Củ Chi; Màu xanh trên vùng đất thép Củ Chi; Trải nghiệm sông nước Cần Giờ; Sài Gòn bức họa đồng quê tại quận 9; Nét văn hóa xưa Sài Gòn tại các làng nghề truyền thống,

kết hợp với trải nghiệm sinh hoạt nông nghiệp, nông thôn tại Củ Chi, Cần Giờ; Trang trại Nông trang Xanh; Khu sinh thái giáo dục Về Quê; Nông trại Hoa Lúa...

g) Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có hệ thống tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, mang tính đặc thù, có thể phát triển du lịch nông thôn gắn với cảnh quan sông nước của hệ thống kênh rạch chằng chịt; trải nghiệm sinh kế và đời sống sinh hoạt truyền thống của chợ nổi, các cù lao, trên ghe thuyền, canh tác nông nghiệp theo mùa nước; sự độc đáo của các sản phẩm làng nghề, miệt vườn cây trái quanh năm... Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều lễ hội truyền thống của các dân tộc Kh'me, Chăm; sinh hoạt diễn xướng đờn ca tài tử, cải lương, tuồng Nam Bộ. Âm thực gắn với cuộc sống sông nước của người dân Nam Bộ cũng là sản phẩm du lịch tiêu biểu của vùng. Với các lợi thế đó, các loại hình du lịch tiêu biểu đang được phát triển ở đây là:

- *Du lịch trải nghiệm cảnh quan sông nước* với sản phẩm chính là tìm hiểu, trải nghiệm sinh hoạt truyền thống của cộng đồng qua hoạt động chợ nổi (tiêu biểu là chợ nổi Cái Răng, Cái Bè); canh tác nông nghiệp theo mùa nước; thăm quan miệt vườn và trải nghiệm cuộc sống người nông dân lưu vực sông Tiền, sông Hậu trên các cù lao, ghe, thuyền (tiêu biểu là các cù lao Thới Sơn, An Bình, Phụng). Cùng với đó là tìm hiểu, trải nghiệm các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể qua các lễ hội truyền thống, diễn xuất đờn ca tài tử, cải lương, tuồng Nam Bộ; tìm hiểu, thưởng thức các giá trị văn hóa ẩm thực sông nước Đồng bằng sông Cửu Long;

- *Du lịch gắn với các làng nghề truyền thống* với các sản phẩm tham quan làng nghề truyền thống; tham gia lễ hội dân gian truyền thống dân tộc Kh'mer, dân tộc Chăm, mà tiêu biểu là lễ hội đua ghe Óc-om-bóc, lễ hội đua bò...; trải nghiệm giá trị nghệ thuật “Đờn ca tài tử” trong không gian gốc, nơi loại hình nghệ thuật này được hình thành, đậm chất sinh hoạt đời sống Nam Bộ.

Các mô hình liên kết khai thác đồng thời hoạt động sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch đã phát huy hiệu quả, có nhiều sản phẩm hấp dẫn, tăng thu nhập so với nông nghiệp thuần túy. Nhiều địa phương đã quy hoạch và đầu tư xây dựng hàng trăm tuyến, điểm du lịch, hình thành nhiều sản phẩm du lịch mới. Bên cạnh đó, hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch từng bước được nâng cấp, hoàn chỉnh đồng bộ hơn. Lượng du khách đến và doanh thu du lịch nhiều tỉnh không ngừng tăng lên.

Mặc dù có điều kiện thuận lợi, nhưng so với cả nước, tốc độ phát triển du lịch nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long chưa thực sự đột phá. Mức đầu tư, tính chuyên nghiệp, tăng trưởng và doanh thu còn thấp hơn so với một số vùng. Lượng du khách có tăng trưởng, nhưng lượng lưu trú tại nông thôn rất thấp (khoảng 20-30%). Hầu hết là các tour kết nối từ thành phố Hồ Chí Minh (chiếm 80%) và ngắn ngày.

III. NỘI DUNG TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN Ở VIỆT NAM THỜI GIAN TỚI

Ngày 02/8/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 922/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn

2021-2025. Một số nội dung và giải pháp trọng tâm như sau:

1. Quan điểm

a) Phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, trên cơ sở thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông thôn, góp phần hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả, bền vững các tiêu chí NTM.

b) Phát triển du lịch nông thôn theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị, phù hợp với nhu cầu thị trường trên cơ sở sử dụng hiệu quả, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, làng nghề, các hoạt động nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng vùng miền, gắn với chuyển đổi số và đổi mới, sáng tạo.

c) Phát huy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng; thúc đẩy sự tham gia tích cực và chủ động của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác vào phát triển kinh tế du lịch nông thôn thông qua các hình thức liên kết chuỗi giá trị du lịch hiệu quả.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích hợp đa giá trị, bao trùm và phát triển bền vững.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phát triển, chuẩn hoá các điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn; mỗi tỉnh, thành phố phấn đấu có ít nhất 01 điểm du lịch nông thôn được công nhận gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương; 50% cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch nông thôn được công nhận đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số; ít nhất 50% điểm du lịch nông thôn được công nhận được số hóa và kết nối trên trang quảng bá, xúc tiến du lịch bằng công nghệ số.

- Phấn đấu 100% điểm du lịch nông thôn được giới thiệu, quảng bá; 50% điểm du lịch nông thôn ứng dụng các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch.

- Phấn đấu mỗi huyện NTM có tiềm năng du lịch xây dựng ít nhất 01 mô hình chuỗi liên kết du lịch nông nghiệp nông thôn đặc thù.

- Ít nhất 70% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch; 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, tập huấn và nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ khách du lịch, trong đó ít nhất 50% là lao động nữ; mỗi điểm du lịch có ít nhất 01 nhân viên thành thạo ngoại ngữ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch nông thôn trên toàn

quốc.

3. Nhiệm vụ

a) Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương.

- Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường.

- Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ (giao thông, hệ thống điện và nước sạch, hạ tầng y tế và chăm sóc sức khỏe, nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, hệ thống chỉ dẫn, chỉ báo, hạ tầng số và kết nối viễn thông, thu gom và xử lý rác thải, nước thải...) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền.

- Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch.

- Nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động và quản lý các điểm đến (quản lý khách du lịch, quản lý lưu trú, quản lý kinh doanh du lịch; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường du lịch nông thôn,...).

- Xây dựng và phát triển các hạ tầng dịch vụ (điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản nông thôn, ăn uống, giải khát, vệ sinh...) dọc theo các tuyến đường giao thông gắn với các điểm du lịch với khoảng cách hợp lý.

b) Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi,...). Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch.

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện các cơ sở lưu trú và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao,...; phát triển các nghệ nhân; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống... để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế; bảo tồn và phát huy các không gian văn hóa, di tích văn hoá, lịch sử, cách mạng.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,... gắn với du lịch nông thôn.

c) Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng

- Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở về quản lý và phát triển hoạt động du lịch nông thôn.

- Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM.

- Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, xây dựng văn hóa du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn và văn minh.

- Chuyên nghiệp hóa việc cung cấp, kiểm tra, kiểm soát dịch vụ du lịch có chất lượng và công tác quản lý điểm du lịch nông thôn.

d) Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn

- Xây dựng, triển khai các chương trình xúc tiến quảng bá, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên lợi thế của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc trưng văn hóa, sinh thái của các địa phương; xây dựng, phát triển và định vị thương hiệu điểm đến du lịch nông thôn.

- Tăng cường nghiên cứu, xây dựng các công cụ, phương thức, nội dung xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn phù hợp với các loại hình du lịch và các đối tượng du khách; ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện cho xúc tiến quảng bá các điểm du lịch nông thôn, sản phẩm du lịch nông thôn, tiếp cận các thị trường du lịch, kết nối với khách hàng mục tiêu.

- Tập trung hỗ trợ, tăng cường liên kết trong hoạt động kinh doanh du lịch giữa các xã, huyện NTM có tiềm năng phát triển du lịch với các công ty lữ hành để chào bán các sản phẩm du lịch nông thôn cho khách du lịch nội địa và quốc tế.

đ) Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững

Xây dựng thí điểm một số mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình: du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch làng thông minh, du lịch không phát thải. Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách,...) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

4. Giải pháp thực hiện

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển du lịch nông thôn

- Xây dựng định hướng phát triển du lịch nông thôn và tích hợp, bổ sung trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch nông thôn; thúc đẩy liên kết nông thôn - đô thị trong phát triển du lịch, ưu tiên phát triển du lịch nông thôn ở những nơi có lợi thế về tài nguyên, kết nối với các khu vực động lực phát triển du lịch, trung tâm du lịch, trung tâm gửi khách. Các địa phương có tiềm năng du lịch xây dựng đề án, chương trình hoặc kế hoạch phát triển du lịch nông thôn giai đoạn 2022 - 2025, gắn với rà soát các điểm du lịch nông thôn phù hợp với các quy hoạch liên quan (về kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học...).

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, định mức kỹ thuật về du lịch nông thôn gắn với hoạt động quản lý nhà nước về du lịch.

- Rà soát, bổ sung các chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển du lịch nông thôn, gồm: (i) các chính sách về sử dụng quỹ đất đai cho phát triển du lịch nông thôn phù hợp với quy hoạch vùng và địa phương, và quy hoạch nông thôn đảm bảo tính kết nối giữa các điểm đến; (ii) chính sách đầu tư phát triển hạ tầng du lịch nông thôn; (iii) chính sách hỗ trợ (nguồn lực, đào tạo, thông tin, tư vấn...) cho từng đối tượng chủ thể (hộ dân, cộng đồng, hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp, thanh niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số...) tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ du lịch nông thôn; (iv) chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đưa khách du lịch về khu vực nông thôn; (v) chính sách hỗ trợ cơ sở đào tạo, doanh nghiệp tham gia vào đào tạo nguồn nhân lực du lịch tại khu vực nông thôn, đào tạo nghề du lịch cho lao động nông thôn; (vi) chính sách khuyến khích cộng đồng tham gia bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống, các sản phẩm thủ công nghiệp, duy trì phát triển đội ngũ nghệ nhân, các kỹ năng biểu diễn và dàn dựng các tiết mục, phục dựng mô hình sản xuất truyền thống phục vụ du lịch nông thôn; (vii) chính sách hỗ trợ liên kết, hợp tác sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng phục vụ du lịch tại khu vực nông thôn; (viii) chính sách hỗ trợ tiếp cận tài chính, vốn vay ưu đãi cho đầu tư vào du lịch nông thôn...

- Xây dựng hệ thống công cụ giám sát và hướng dẫn thực hiện quy trình đánh giá chất lượng điểm du lịch nông thôn, dịch vụ du lịch nông thôn; hướng dẫn thực hiện việc công nhận khu, điểm du lịch nông thôn.

- Thúc đẩy quan hệ hợp tác công - tư (PPP), hợp tác công - tư - cộng đồng (PPCP) và các mô hình quản trị tích hợp các khu vực công và tư nhân, doanh nghiệp và cộng đồng trong phát triển du lịch nông thôn; xây dựng cơ chế quản lý, giám sát và phát triển du lịch nông thôn có sự tham gia của cộng đồng.

b) Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển du lịch nông thôn

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức hợp tác quốc tế, đầu tư của doanh nghiệp, các tổ chức hợp tác nông nghiệp, đóng góp của cộng đồng (tài chính, sức lao động...) và các nguồn hợp pháp khác cho phát triển du lịch nông thôn. Ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho công tác đào tạo nguồn nhân lực, phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch tại khu vực nông

thôn phù hợp với định hướng thị trường.

- Khuyến khích, thu hút đầu tư phát triển du lịch nông thôn tại các địa bàn, môi trường khác nhau (rừng, khu bảo tồn thiên nhiên, biển đảo...) theo các quy định của pháp luật nhằm tạo ra nguồn thu ổn định từ hoạt động du lịch để đầu tư trở lại cho các công tác bảo vệ tài nguyên du lịch.

- Khuyến khích, kêu gọi các sáng kiến, ý tưởng, dự án, mô hình khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ gắn với du lịch nông thôn; các giải pháp kết nối thị trường, marketing hiệu quả cho du lịch nông thôn.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện Chương trình này với các chương trình, đề án, dự án khác có liên quan, đặc biệt các nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

c) Tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về du lịch nông thôn

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, kiến thức, hành động cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ; tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch; người dân, cộng đồng và khách du lịch về phát triển du lịch nông thôn bền vững trong xây dựng NTM.

- Đa dạng hóa và đổi mới hình thức, nội dung truyền thông du lịch nông thôn trên nền tảng công nghệ số thông qua các cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, bản tin, chuyên đề...; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng NTM.

- Tổ chức các lễ hội (đặc biệt là lễ hội văn hóa dân gian, lễ hội trái cây theo mùa và theo vùng miền), hoạt động kết nối du lịch các vùng, miền; truyền thông, quảng bá sản phẩm du lịch nông thôn tại các hội chợ, triển lãm.

- Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tổ chức các cuộc thi sáng tác ý tưởng liên quan tới du lịch nông thôn (tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm truyền thông, thiết kế sản phẩm hàng lưu niệm và quà tặng du lịch...).

- Tổ chức giải thưởng Du lịch nông thôn cấp quốc gia.

d) Bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao năng lực cho lao động du lịch nông thôn

- Rà soát, đánh giá chất lượng nguồn nhân lực du lịch nông thôn và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của các hộ, cộng đồng kinh doanh du lịch nông thôn và các làng bản du lịch cộng đồng.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý du lịch, kiến thức thị trường, ngoại ngữ, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về du lịch ở các cấp, người lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch ở khu vực nông thôn.

- Đưa các nội dung bồi dưỡng, đào tạo về du lịch vào các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương và vùng; đưa các nội dung về tài nguyên du lịch vào tài liệu giáo dục địa phương sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình phục vụ một số dịch vụ du lịch cơ bản tại khu vực

nông thôn.

- Tổ chức các lớp tập huấn, các khóa đào tạo ngắn hạn về kỹ năng nghề và kỹ năng mềm phục vụ du lịch: cung cấp dịch vụ ăn uống (nấu ăn, pha chế...), lưu trú (làm buồng, phòng...), ngoại ngữ, văn hóa giao tiếp ứng xử, đón tiếp, thái độ phục vụ khách cho cộng đồng dân cư địa phương theo hướng chuyên nghiệp, lành nghề, thân thiện; kết hợp với nâng cao kiến thức lịch sử, văn hóa về điểm du lịch và học hỏi kinh nghiệm về phát triển mô hình du lịch nông thôn tại các địa phương trong và ngoài nước.

- Tổ chức mạng lưới chuyên gia du lịch, nông nghiệp và các ngành khác là doanh nhân, nghệ nhân, công nhân kỹ thuật tay nghề bậc cao tham gia hỗ trợ các hộ dân và cộng đồng khai thác và phát triển các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm thủ công mỹ nghệ... phục vụ cho hoạt động du lịch nông thôn.

d) Ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông thôn

- Lập bản đồ số các sản phẩm du lịch nông thôn, hỗ trợ kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch khác phục vụ cho việc xúc tiến du lịch nông thôn.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất từ trung ương đến địa phương phục vụ cho việc quản lý, quảng bá và xúc tiến du lịch nông thôn.

- Xây dựng ngân hàng hình ảnh, số hóa các thông tin, tài liệu về các điểm du lịch nông thôn, tăng cường ứng dụng dữ liệu lớn (big data), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR) và thực tế ảo tăng cường (AR) để từng bước hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch, tạo điều kiện cho khách du lịch trải nghiệm các hoạt động, dịch vụ du lịch nông thôn an toàn, thuận tiện và thân thiện.

- Xây dựng chuyên trang điện tử (website, triển lãm, hội chợ du lịch ảo, các sản phẩm truyền thông số...) về du lịch nông thôn gắn với giới thiệu, quảng bá điểm du lịch nông thôn; khai thác thể mạnh truyền thông trên các nền tảng xã hội.

e) Tăng cường phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế

- Tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin và phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực liên quan nhằm triển khai hoạt động phát triển du lịch nông thôn đồng bộ và hiệu quả.

- Tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm tìm hiểu, trao đổi kinh nghiệm về quản lý và phát triển du lịch nông thôn (đặc biệt du lịch gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch có trách nhiệm, quản lý và thích ứng rủi ro...).

- Huy động sự hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực triển khai của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam cho các dự án, chương trình du lịch nông thôn gắn với cộng đồng, bảo vệ môi trường sinh thái; liên kết đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch nông thôn.

- Xây dựng mạng lưới đối tác du lịch nông thôn để phục vụ cho kết nối đầu tư, kết nối thông tin cung - cầu du lịch.

- Khuyến khích các doanh nghiệp trong nước liên doanh, liên kết với các tổ

chức nước ngoài để xây dựng mô hình du lịch nông thôn phù hợp với điều kiện Việt Nam và yêu cầu của Chương trình.

- Tham gia các mạng lưới, diễn đàn về phát triển du lịch nông thôn ở cấp khu vực và quốc tế; thí điểm mạng lưới kết nối về du lịch xanh, du lịch có trách nhiệm; giới thiệu và quảng bá các điểm đến du lịch nông thôn ở Việt Nam cho khách quốc tế.

5. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

a) Nguồn vốn thực hiện Chương trình bao gồm:

- Vốn ngân sách trung ương của Chương trình được bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính rà soát, tổng hợp, cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong tổng nguồn vốn của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đã được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Vốn ngân sách địa phương.

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

b) Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của các cấp được giao hàng năm.

c) Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH NÔNG THÔN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐTW-VPĐPNTM ngày 12/10/2022 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, thì Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, tập trung vào những nội dung chủ yếu như sau:

1. Hoàn thiện văn bản hướng dẫn về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ

- Hoàn thiện, ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn triển khai Chương trình từ Trung ương đến địa phương;

- Rà soát và bổ sung nội dung về phát triển du lịch nông thôn vào quy hoạch đã có như: Phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng NTM; quy hoạch hệ thống du

lịch quốc gia.

2. Xây dựng và hoàn thiện Bộ tiêu chí về du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá về mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với các yêu cầu nội dung về: kiến trúc, cảnh quan môi trường gắn với xây dựng NTM; tổ chức cộng đồng quản lý dịch vụ du lịch nông nghiệp nông thôn; phát triển sản phẩm dịch vụ du lịch dựa trên lợi thế, đặc trưng của địa phương theo hướng liên kết vùng và chuỗi giá trị; chất lượng dịch vụ du lịch.

- Tổ chức đánh giá, công nhận mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn theo các quy định của nhóm sản phẩm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

3. Tuyên truyền, tập huấn về du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức các đợt tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tiềm năng, vai trò, yêu cầu trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ quản lý; các tổ chức, cộng đồng về du lịch nông thôn gắn với xây dựng NTM;

- Xây dựng Tài liệu đào tạo, tập huấn về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM;

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng NTM phù hợp với từng đối tượng (cán bộ quản lý cấp xã, chủ thể và cộng đồng...) tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn.

4. Hỗ trợ xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Xác định nội dung và đánh giá tiềm năng về du lịch nông nghiệp, nông thôn ở một số vùng và địa phương;

- Áp dụng một số cơ chế, chính sách hỗ trợ cho các mô hình du lịch nông thôn theo hướng thân thiện với môi trường, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch không phát thải;

- Hỗ trợ nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, sản phẩm du lịch gắn với các hoạt động nông nghiệp, làng nghề, ẩm thực, văn hóa...; xây dựng các công cụ, câu chuyện sản phẩm nhằm giới thiệu, quảng bá cho các điểm du lịch nông nghiệp, nông thôn;

- Hỗ trợ xây dựng một số mô hình chuỗi du lịch nông nghiệp, nông thôn liên kết các điểm đến, hình thành các tour du lịch gắn với bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng lao động tại chỗ, huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người dân tộc thiểu số để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân và tạo hiệu ứng lan tỏa.

5. Triển khai ứng dụng chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với hoạt động quảng bá du lịch nông thôn;

- Hỗ trợ số hóa các điểm đến và xây dựng bản đồ số kết nối mạng lưới điểm đến về du lịch nông nghiệp, nông thôn Việt Nam;

- Thí điểm xây dựng và vận hành chương trình thực tế ảo về du lịch nông nghiệp, nông thôn.

6. Xây dựng các hoạt động quảng bá, giới thiệu về du lịch nông nghiệp, nông thôn

- Tổ chức sự kiện, lễ hội, diễn đàn giới thiệu và kết nối cung - cầu du lịch nông nghiệp, nông thôn. Lồng ghép giới thiệu sản phẩm du lịch nông nghiệp, nông thôn tại các sự kiện quảng bá du lịch Việt Nam, các chương trình kết nối nông sản và Chương trình OCOP;

- Hỗ trợ kết nối khách du lịch lẻ hành gắn với các điểm đến về du lịch nông nghiệp, nông thôn, từng bước hình thành mạng lưới kết nối cung - cầu về du lịch nông nghiệp, nông thôn;

- Xây dựng các ấn phẩm, tạp chí, chương trình truyền hình, chuyên trang mạng xã hội (youtube, facebook,...) giới thiệu các điểm đến du lịch nông nghiệp, nông thôn;

- Tổ chức cuộc thi Giải thưởng du lịch nông nghiệp, nông thôn;

- Tổ chức cuộc thi sáng tác ý tưởng về du lịch nông thôn theo nhiều chủ đề (tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm truyền thông, sản phẩm hàng lưu niệm và quà tặng...)/.